

BÔNG - TÙNG

BÚT CHIẾN ĐÁU

LƯỢC-SỬ ĐÁU-TRANH GIẢI-PHÓNG CỦA DÂN-TỘC
VIỆT-NAM TRONG MẶT TRẬN VĂN-NGHỆ BÁO-CHÍ

HỘI KHÔNG-HỌC VIỆT-NAM

XUẤT - BẢN
- 1957 -

ĐÔNG TÙNG



BÚT CHIẾN ĐẤU

*Lược sử đấu tranh giải phóng của dân tộc
Việt-Nam trong Mặt trận Văn nghệ, Báo chí...*



HỘI KHÔNG-HỌC VIỆT-NAM

Xuất bản

— 1957 —

Từ nhà kho Quán Ven Đường

Lời nói đầu

Bàn tới lịch sử đấu tranh của một dân tộc, chúng ta không thể xem nhẹ những giòng mực song song tuôn đầm với bao giòng mồ hôi, nước mắt và máu tươi.

Thiệt vậy, dân tộc Việt-Nam suốt 80 năm tranh đấu toàn diện không ngừng — trong lãnh vực văn hóa nói chung và văn nghệ, báo chí nói riêng — đã ghi lại trên trang sử oai hùng của dân tộc những nét son đậm đà sáng chói : -

Này nhưng bài só, bài tấu và những bài điều trần lên nhà vua mọi nguy cơ vong quốc.

Này những bài chiếu (Cần Vương); những bài hịch (Binh Tây). Ngày những bài ca, bài báo, những sách vở sáng tác ở quốc nội hay hải ngoại với những lời lâm ly, hùng tráng, cõ động nhân dân làm cách mạng.

Với những tài liệu chọn lọc, chúng tôi cố gắng biên tập lại và hệ-thống-hóa ra sau, hầu mong giúp một phần rất nhỏ tài liệu nước nhà, trong cuộc đấu tranh tự cứu, mà lãnh vực văn hóa đã đóng góp.

Về phần phụ lục, chúng tôi cố ý chọn lọc những tác phẩm có giá trị về lịch sử mà vì lý do này hay lý do khác, ít được lưu hành trong nhân dân hiện nay, riêng chúng tôi nhờ điều kiện cá biệt, đã sưu tầm trong khi hoạt động chính trị ở hải ngoại trước đây bao nhiêu năm.

Trung thu năm 1957
ĐÔNG-TÙNG

CHƯƠNG I

NHỮNG ĐẠO SÓ, TẤU, NHỮNG BÀI ĐIỀU TRẦN CỦA MẤY NHÀ ÁI-QUỐC CHÍ-SĨ THỨC THỜI

Trước nạn xâm lăng của đế-quốc Tàu phuong ; trước nạn chấp-mê bảo-thủ của phong kiến Nguyễn triều ; trước nguy cơ vong quốc, tiền nhân chúng ta đã có những kẻ tri cơ tiên liệu như thế nào, và đã có những tác phẩm gì về văn hóa, có tính chất quốc phòng :



Năm Ất-Sửu (1865) Tự-Đức thứ 18, Ông Phạm-Phú-Thứ Tham-tri bộ Lại, nhàn di Pháp về ; trong người mà gầm đến ta, ông bèn dâng sớ lên vua Tự-Đức, nội dung đạo sớ ấy ông thiết tha đề nghị : lập trường thủy học, rước người ngoại quốc về dạy kỹ-thuật hàng hải. Ông nhấn mạnh rằng vấn đề giao thông hàng hải là một điều kiện quan trọng cho nền văn-minh của Âu-Tây. Cũng

BÚT CHIẾN ĐẤU

trong đạo sớ ấy, ông đề nghị : lấy quốc-ngữ thay chữ Hán, vì chữ Hán học lâu, phiền phức ; là một chướng ngại vật cho sự triển triển của dân tộc.

Năm Quý-Dậu (1873) Tự-Đức thứ 26, ông Phạm-phú-Thúy lại một lần nữa dâng sớ lên vua, nội dung ông xin triều đình chỉnh đốn cải tổ võ bị lại theo quy chế Tây phương, cho ngoại quốc tự do buôn bán, kết thân với các cường quốc để tìm vây cánh, tìm cách đặt lãnh-sự ở Hương-Cảng để làm cơ cấu ngoại giao với thế giới.

Năm Mậu-Thìn (1868) Tự-Đức thứ 21, hai ông Trần-Đinh-Túc và Nguyễn-Duy-Tế, nhân qua Hồng-Kông thấy thực trạng văn minh của thế giới hữu hình, khi về nước hai ông cũng làm một đạo sớ dâng lên nhà vua với những lời khẩn thiết, đề nghị khai hải cảng, mở thương mãi với thế giới ; nội dung đạo sớ hai ông cực lực nói rõ cái nguy hại của chủ trương bế mạc tỏa cảng của triều-dinh đương thời.

Cùng trong năm ấy, ông Đinh-văn-Điều người huyện An-Mô, tỉnh Ninh-Bình, dâng phiến lên nhà vua mật tâu các việc : Lập sở dinh diền, khai mỏ khoáng, kiến thiết đường xe lửa, kết giao với nước Anh, rước họ về

BÚT CHIẾN ĐẤU

làm thầy dạy.

Năm Nhâm-Thân (1872) Tự-Đức thứ 25, một vị quan trong Cơ-mật-viện, dâng tấu lên vua đề nghị : Nhà vua phải cấp tốc kiến thiết 3 thương cảng : Đà-Nẵng, Ba-Lạt và Đồ-Sơn, để giao thông cùng ngoại quốc, trong tấu cũng nói rõ : nếu nhà vua giữ mãi chính sách bế mạc tỏa cảng thì nguy hiểm cho đất nước.

Năm Kỷ-Mão (1879) Tự-Đức thứ 32, ông Nguyễn-Hiệp nhận đi sứ Xiêm về, mật tấu lên vua, nội dung ông đề nghị với triều đình : nên học nước Xiêm dùng phương pháp ngoại giao, tự tạo cho mình một thế trái đòn mới hòng giữ được nước, một nước như một tiều trước nạn xâm lăng của Tày phương.

Điều kể ấy không được nhà vua chấp nhận và thi hành.

Công tác cứu quốc bằng ngòi bút của những nhà ái-quốc chí-sĩ Việt-Nam vào thời kỳ này, vai trò trội nhất có thể nói là ông Nguyễn-Trường-Tộ.

Nguyễn-Trường-Tộ (1827 - 1871) người làng Bùi-Chu, phủ Hưng-Nguyên, tỉnh Nghệ-An, nổi tiếng hay chữ từ thuở nhỏ, nhưng ông rất ghét lối học khoa cử nên không đi

thi. Là một tín đồ đạo Thiên Chúa, nên được nhà Đông Tân-Áp mời làm thầy giáo chữ Hán, và được đức Giám-mục Gauthier (Ngô-Da-Hậu) dạy học chữ Pháp và các khoa học phổ thông. Sau ông theo Giám-mục qua Ý rồi sang Pháp, ở lại Pháp học tập xem xét trong ít lâu. Trên đường về nước ông có lưu lại Hồng-Kông một thời gian để nghiên cứu tình hình. Khi về tới nước nhà, ông đem hết những kiến văn mà ông đã học hỏi được, viết thành những bản điều trần, những sách vở dẹp lên triều đình nhà Nguyễn, trong đó có những bản này là quan trọng :

1.— Ngày 29-3-1863 (11-2-16 Tự-Đức), điều trần về việc tôn giáo, trong đó ông nhấn mạnh về quyền tự do tín ngưỡng, cũng như cấm đạo chỉ là một hành động có lợi cho Pháp trong việc xâm lược Việt-Nam.

2.— Ngày 9-8-1866 (6-19 Tự-Đức), điều trần về việc phái học sinh đi du học ở ngoại quốc, trong đó ông nói rõ tri thức là vốn liếng của dân-tộc, là căn bản của sự bảo quốc.

3.— Ngày 1-9-1866 (6-19 Tự-Đức), ông dâng lên vua bản sách **Lực Lợi Từ** bàn về 6 vấn đề có lợi cho nước.

4.— Ngày 3-9-1866 (25-7-19 Tự-Đức), ông dâng lên triều đình bản sách « **Thiên Hạ**

Đại Thố Luận » một bản sách nhận xét tình hình thế giới và nguy cơ Việt Nam.

5.— Ngày 15-11-1867 (20-10-20 Tự-Đức), ông dâng lên nhà vua bản sách « **Tế cấm bát điều luận** » (8 vấn đề nhà vua phải thực hiện ngay để giữ nước, cứu nước).

6.— Ngày 12-3-1868 (19-2-21 Tự-Đức), ông đệ trình lên vua Tự-Đức một bản sách nhan đề « **Giao thông sự nghi bầm minh** ».

Nội dung bản sách này ông nói rõ : Ngoại giao cũng là một điều kiện quốc phòng không kém phần quan trọng, với thế giới văn minh, không nước nào đứng được một mình, mà nước Tàu cũng là một nước hèn yếu và lạc hậu, Việt-Nam chớ trông cậy vào họ.

7.— Ngày 4-10-1871 (2-8-24 Tự-Đức), ông dâng lên nhà vua một đề nghị khai khẩn hoang diền, chấn hưng nông nghiệp, trong đó ông nói rõ : Việt-Nam là một nước nông nghiệp, muốn cho nước giàu dân mạnh phải chấn hưng nông nghiệp v.v...

Căn cứ vào những sử liệu trên, ta thấy rằng : mặc dầu trước sức xâm lấn mãnh liệt của đế-quốc Tây phương, Việt-Nam cũng như các nhược tiểu dân tộc nông-nghiệp lạc hậu khác đều phải chịu mất nước, nhưng tiền

nhân ta không phải là không nhận thức được nguy vong đó ; mà chính các ngài đã có những biện pháp cứu nguy rất thiết thực, chỉ đáng phàn nàn rằng ý kiến của các ngài không được triều-đình đương thời chấp nhận và thi hành. Đó phải chăng cũng là một điều kiện tất yếu của lịch sử ; một ý-thức-hệ của một chế độ phong kiến tàn rụi, làm sao mà ý thức nỗi đê áp dụng đúng một sự nhận xét của những người đủ sáng suốt thíc thời nhìn rõ nguy cơ của đất nước. Để làm một bài kết luận chương này, chúng tôi xin mượn một bài thơ vịnh vua Tự-Đức của cổ nhân.

Thơ vịnh vua Tự-Đức

*Ai gây thảm họa đến bấy giờ,
Chỉ tại nhà vua đã thất cơ,
Nước mất không lo, lo chuộc ruộng.
Mình hèn chẳng biết, biết ngâm thơ,
Giận phường da trắng không lo đuổi.
Chắc lũ Cờ Đen luống đợi chờ.
Nếu biết theo gương Minh-Trí (1) Nhật,
Giống nòi chi đến nỗi bơ-vơ.*

(1) tức là Minh-Trí Thiên-Hoàng, ông vua đầu tiên chủ trương duy tân nước Nhật.

CHƯƠNG II

CHIẾU CẦN-VƯƠNG CỦA VUA HÀM- NGHI VÀ HỊCH CẦN-VƯƠNG THẢO TẶC CỦA VĂN-THÂN KHỎI NGHĨA

Năm 1884, Hòa ước b López cõ Ba-Tò-Nốt (Patenôtre) ra đời bắt buộc triều đình Việt-Nam phải công nhận sự cướp nước của thực dân Pháp. Thua thì phải ký, yếu thì phải nhường. Nhưng Triều-định, Văn-Thanh và nghĩa dân toàn quốc Việt-Nam thì không sao chịu nỗi nhục nhã.

Vì vậy ngày 23-5 năm Ất-Dậu (1885), do Ngũ-quân Đò-thống Tôn-Thất-Thuyết chỉ huy Nam quân, hợp cùng những đoàn nghĩa dũng « Kiệt sĩ » do nghĩa dân kinh thành Huế tự động tồ chức, nhất tè nỗi dậy phản công lại quân Pháp. Ở Huế, mục đích khởi phục lại thành trì xã-tắc, nhưng vì hỏa lực quá yếu nên thua giặc, biến ngày ấy thành ngày thất thủ kinh đô.

Kinh đô thất thủ, vua Hàm Nghi phải bỏ chạy ra Quảng-Trị, Quảng-Bình và Hà-Tĩnh, hạ chiếu Cần-Vương. Chiếu đền ngày 11 tháng 8 năm hiệu Hàm-Nghi thứ nhất.

Nội dung đạo chiếu ấy đại khái như sau :

* * * * *

« Chỉ vì sức yếu, nên ta phải chịu nhục ký hòa-
trúc với giặc Pháp đã bao nhiêu năm và bao nhiêu
lần. Với chính sách “tâm thực”, thoát tiên chúng
cướp 3 tỉnh ở Nam-Kỳ, còn 3 tỉnh nữa sau 2 năm
chúng cung cướp nốt. Nhưng túi tham của quân
cướp nước không bao giờ đầy. Thế rồi chúng
dùng thiên phuơng bá kế khêu khích gây hấn
khắp Trung và Bắc-Kỳ, rồi đòi lập lanh sứ ở Huế
và Bắc-Kỳ, bắt buộc ta phải ký hiệp-trúc, mới rồi
chúng lại thêm bớt xóa bỏ. Cuối cùng chúng dùng
bạo lực đánh chiếm Bắc-Kỳ. Nuốt trôi Bắc-Kỳ,
chúng kéo quân đánh vào cửa Thuận-An (Trung-
Kỳ), quân ta thua ở Thuận-An, chúng kéo quân
vào đóng Hoàng-Thành, bắt buộc vua ta làm bù
nhìn cho chúng đe cai trị dân. Nhục nhã ấy không
sao chịu nổi ».

“ Vì vậy mà dưới mạng lệnh Ta, Hội-đồng Cơ
mật quyết khởi một trận lập công ở Huế. Nếu
quân ta thắng thì Nguyễn-văn-Tường đón Trầm
ra ngự tại Nghệ-An, Hà-Tĩnh, đe Tôn-thất-Thuyết
ở lại Huế lập thế trận. Bằng quân ta thua, thì

• Trầm cùng với triều thắn lánh ra miền Bắc mưu
• đồ khôi phục ».

“ Cuộc tập công ngày 23 tháng 5 khởi từ nửa
“ đêm, giữ mãi được đến nửa buổi sáng thì quân ta
“ phải rút lui vì sức yếu ».

“ Ngay lúc nguy khốn ấy, thì tên gian thắn
“ Nguyễn-văn-Tường đòi bụng lén trốn vào nhà giáo
“ Kim-Lòng, còn Tôn-thất-Thuyết thì vẫn theo Trầm
“ chỉ huý nghĩa quân đánh lại giặc Pháp ».

“ Hiện nay Trầm cùng Ngũ-quân Đô-thống
“ Tôn-thất-Thuyết cùng tướng lanh đã tới Âu-Sơn
“ thuộc huyện Hương-Khé, tỉnh Hà-Tĩnh bây giờ,
“ nơi đây có thể lập căn cứ cho cuộc trường kỳ
“ kháng chiến với giặc Pháp để mưu đồ khôi phục
“ lại giang sơn xá tắc ».

“ Hỡi các trung thắn nghĩa sĩ toàn quốc !

“ Hỡi các nghĩa dân hảo hán bốn phương !

“ Trước giờ Tùy quốc lâm nguy, xá tắc nghênh
“ đồ, ai là dân, ai là thắn, lẽ nào chịu khoanh tay
“ ngồi chờ chết. Hãy mau cùng nhau đứng dậy, phất
“ cờ khôi nghĩa, đánh giặc cứu nước ».

• •

Tờ chiếu trên này làm cho lòng dân chấn động. Các bậc khoa bảng, các nhà phú hào, kẻ có thế, người có tiền, đồng thời chiêu mộ anh hùng dũng sĩ bốn phương, lấy nhà mình

làm trướng diễn võ, mang cơ nghiệp vào giúp quân lương. Nơi bảy tám trăm người, nơi một đôi ngàn người, bỏ cày cuốc ra cầm girom, đôi bút lông lấy súng. Nhân dân Việt-Nam dưới quyền chỉ huy của các cụ Văn-Thân, đã tự tạo nên một phong trào Cần Vương và cùng sôi nổi. Phan-Đinh-Phùng, Đinh-Nho-Hạnh khởi nghĩa ở Hà-Tĩnh, Nguyễn-Xuân-Ôn, Đinh-Văn-Chất ở Nghệ-An, Tống-Duy-Tân, Cảm-Bá-Tước ở Thanh-Hóa, Nguyễn-Hiệu, Nguyễn-Thành ở Quảng-Nam, Lê-Trực, Nguyễn-Phạm-Tuân ở Quảng-Bình.

Ý thức đất nước là riêng của triều-dinh thốt dỗi ra tinh thần quốc-gia mãnh liệt. Trong bài hịch Cần-Vương của Văn-Thân Nghệ, Tĩnh, Bình gởi đi các nơi, có những câu :

“ Nhớ thuở thái bình tại Vũ, bẽ khuông phù
phó mặc khách công danh ;

“ Đến khi di địch loạn ra, đường khôi phục
phi vầy trong tiết nghĩa ;

“ Nhà hàng ngā còn lành còn chống, chẳng
phiển cho gấp kẻ Tân, Ngô.

“ Giặc đang loạn, sĩ nước đón ngăn, chi đè
chúa trông tôi Pha, Mục ;

“ Lỗ-Trọng-Liên nghĩa bắt đẽ Tân, phản nho
giả mà lòng lo vũ trụ ;

Văn-Thiên-Tường trung phò chúa Tống, bước lưu ly mà vai vác cương thường

• •

Hịch Cần vương trên đủ chứng tỏ Văn-Thân và nghĩa dân thời ấy chống đánh với giặc Pháp bằng khi phách nhiều hơn bằng khi giói, thiệt vậy :

Trong bài hịch Cần-Vương ở Bắc-Hà có những câu :

« *Nếu đề Tây-dương đặc chí, ngũ kinh không khỏi lửa Tần.* »

« *Bằng cho giặc Pháp hoành hành,... át treo cửa Không !* »

Lại như trong bài hịch kêu gọi nhân dân tham gia Cần-Vương ở Nam, Ngãi, Bình, Phú có những câu :

« .

« .

« *Tây lấn sang chiếm trước Nam-Kỳ ;*

« *Giả danh bảo hộ Nam thùy ;*

« *Kỳ thực nó dùng mưu lấy nước.*

« *Nó giao thiệp xin thông hòa ước*

« *Tây với Nam kết bạn đồng minh ;*

«

«

«

BÚT CHIẾN ĐẤU

“ .

“ *Một giỗng nòi nào phải mẩy ai đây,*
 “ *Dân một nước bồng chia ra hai phái !*
 “ *Nước Nam ta gấp cơn bāi hoại,*
 “ *Vua chim mồi quan lại chó săn,*
 “ *Hỡi nhũng người chí sĩ nhân nhān,*
 “ *Vì buồi ấy phải liều thân vớи nước.*

“ .

“ .

Ngoài nhũng bài văn, bài hịch của các cụ Văn-Thân Cần-Vương, trong nhàn dàn thời bấy giờ cũng lưu hành truyền tụng rất nhiều nhũng bài ca, bài về và nhũng câu ca dao rất hùng hồn bi tráng, chẳng hạn như bài « **Chính khí ca** » của ông Nguyễn-Văn-Giai người Hà-Đông, nội dung tác giả ca ngợi cái chí khí anh dũng, tiết tháo của nhà chí-sĩ Hoàng-Diệu tuân tiết vào ngày thất thủ Hà-Nội (1882) và nói lên cái nỗi căm hờn của nhân dân Việt-Nam đối với quân đội tàn bạo của thực dân cướp nước khi đánh chiếm Hà-Nội.

Bài « **Hạnh thực ca** », tác giả là nữ sĩ Nguyễn-thị-Bích tự Lang-Hoài, người huyện An-Phúc, tỉnh Ninh-Thuận. Nội dung « **Hạnh thực ca** », tác giả nói lên cái cảnh nước mất thành tan, giang sơn bị ngoại bang dày xéo, ngày biến cố 23-5 năm Ất-Dậu, ngày thất thủ kinh đô, vua Hàm-Nghi bỏ chạy.



VUA HÀM-NGHI

Chân dung Vua HÀM-NGHI

Vị vua chủ trương cuộc phản công lại quân Pháp ở kinh đô Hué ngày 23-5 năm Ất-Dậu (1885).

Sau Ngài xuất bôn ra hạt Quảng-bình và Hà-Tĩnh, họ chiếu Càn-vương. Cuối cùng Ngài bị Pháp bắt đày đi Algérie.

Ngoài những bài ca ấy lại cũng có những câu ca dao phần nhiều là vô danh, tự trong nhân dân phát ra, cũng không kém phần hùng tráng. Như những câu :

- ‘ *Nước Nam có bốn gian hùng.*
- ‘ *Tường gian, Viêm giối, Khiêm khùng,
Thuyết ngu-*
- ‘ *Lại thêm hai thằng vú phu ;*
- ‘ *Đè Đức, Đè Soạn dương khu chịu đòn* »

Lại có những câu táo bạo hơn, như :

- ‘ *Chém cha thằng Nguyễn-Văn-Tường,*
- ‘ *Tham danh trực lợi lợn chuồng theo Tây* »

CHƯƠNG III

NHỮNG ÁNG VĂN CÁCH MẠNG QUA CÁC PHONG-TRÀO ĐÔNG-DU VÀ QUANG-PHỤC (1904-1925)

Sau ngày các chiến khu của nghĩa quân Cần Vương như : Bãi-Sậy, Ba-Đinh, Vũ-Quang lần lượt bị giặc Pháp công phá, bao nhiêu tướng sĩ, nghĩa dân đã bỏ mình vì nước, cách mạng Việt-Nam lâm vào thoái trào ; thực dân Pháp tưởng thế là hết chuyện.

Nhưng chúng không hiểu rằng : chung sống trên một lãnh thổ đông đúc trên 20 triệu con người, dân-tộc Việt-Nam có khả năng và tinh thần Độc-Lập, với sĩ khí bất khuất, với truyền thống anh dũng đã chung đúc nên những người thà chết chớ không thể sống được để trông đất nước luân vong, giống nòi diêu đứng.

Người tiêu biểu cho các nhà ái quốc chí sĩ Việt-Nam thời bấy giờ là cụ Phan-Bội-Châu

biệt hiệu là Sào-Nam, người làng Đan-Nhiệm, huyện Nam-Đàn tỉnh Nghệ-An.

Cụ Phan-Bội-Châu không những một nhà ái-quốc chí-sĩ mà còn là một văn-sĩ nữa. Thân thế và sự nghiệp của cụ nó gắn liền với lịch sử cách mạng Việt-Nam vào thời kỳ năm 1904 - 1925 ; và những tác phẩm cách mạng vào thời kỳ đó cũng hầu hết do Cụ sáng tác, mặc dầu trên danh nghĩa là của những tổ chức Đảng, Hội cách mạng.

Nhưng những tác phẩm của các cụ, hầu hết là sáng tác ở hải ngoại : Nhật và Tàu, và lưu hành bí mật, nên bây giờ phần nhiều bị thất thác.

Dầu sao chúng tôi cũng cố tìm tòi liệt kê ra sau đây, tuy biết còn thiếu sót rất nhiều :

1.— **Bài ca Á-Tế-Á** của cụ Nguyễn-Thiện-Thuật (xem phụ lục).

2.— **Song-tuất-lục** : Nội dung tác giả Phan Sào-Nam ghi chép cuộc khởi nghĩa Cần-Vương ở Nghệ-An, do hai lãnh tụ ông Mai và ông Tấn vào khoảng hai năm 1884 - 1885. Song-tuất-lục, cụ Phan trước thuật bằng chữ Hán.

3.— **Lưu cầu huyết lệ tâm thư** : Nội dung tác giả Phan-Sào-Nam đánh thức quốc dân đồng bào, giác ngộ cách mạng.

4.— Việt-Nam vong quốc sử : Tức là cuốn lịch sử Pháp cướp Việt-Nam, tác giả nêu lên những gương anh dũng của những nhà ái quốc chí sĩ Việt Nam đã bị Pháp giết trong khi chống lại họ.

Cuốn sách này cũ viết theo lời đề nghị của nhà cách mạng Trung-Hoa Lương-Khai-Siêu, khi viết xong, cũ đưa bản thảo cho Lương xem rồi Lương cho in chung vào « **Âm-băng văn thư tập** ».

Cụ Phan còn cho xuất bản riêng một số ở Nhật, rồi cũ cho ông Đặng-Tử-Kinh mang về nước, làm tài liệu cổ động cho phong trào Đông-Dư.

5.— Khuyến quốc dân du học văn, bằng chữ Hán. Bản sách này cũng viết ở Nhật, nội dung hô hào cổ động thanh niên du học Nhật bản ; các nhà phú hưu giúp tiền làm kinh phí cho du học sinh qua Nhật.

Tác giả nhập đề bằng câu :

« *Ô hô ! Côn-Lôn bắc vọng ; Cửu-Long đông cõ ; ngã quốc giang san yên tại tai !* »

Nghĩa là : Hỡi ơi ! đứng trên Côn-Lôn mà trông về bắc ; bên mé Cửu-Long mà ngó về đông ; giang san Việt-Nam còn đâu nào ?

6.— Hải ngoại huyết thư — một bức thư từ hải ngoại gởi về, nội dung bày tỏ cái

thảm trạng dưới quyền lực bảo hộ của Pháp và hò hào nhàn dàn nỗi dậy hổng ứng cách mạng. Cụ Phan viết bằng chữ Hán, mà một chí sĩ khác, ông Lê-Đại dịch ra tiếng Việt, có những câu sau đây :

“ *Người nước ta là là rất là ?*
 “ *Nông nỗi này nghĩ đã biết chưa ?*
 “ *Hay là ngờ ngần, ngần ngờ,*
 “ *Hay còn hờ hững như trò chuyện chơi !*
 “ .

Lại có câu :

“ *Lời huyết lệ gửi về trong nước ;*
 “ *Kè tháng ngày chưa được bao lâu,*
 “ *Liếc xem phong cảnh năm châu*
 “ *Gió mây phảng lặng, dạ sầu ngàn ngờ.*

Lại có những câu :

“ *Một là vua, việc dân chẳng biết*
 “ *Hai là quan chẳng biết gì dân*
 “ *Ba là dân chỉ biết dân*
 “ *Mặc quân với quốc, mặc thắn với ai ».*

7.— Kính cáo Nam-Kỳ phụ lão văn : Bản văn này làm lời cụ Kỳ-Ngoại-Hầu Cường-Đề, cụ Phan-Sào-Nam viết bằng chữ Hán, nội dung kêu gọi các nhà phú hữu Nam-Kỳ hãy bỏ tiền ra giúp học sinh du học Nhật-Bản.

Bản văn ấy sau ông Lê-Đại cũng dịch ra tiếng Việt, mở đầu bằng câu :

“ *Thương ôi Lục tỉnh Nam Kỳ,*
 “ *Ngàn năm cơ nghiệp còn gì hay không ?*

*» Mịt mù một giải non sông,
« Hỡi ai, ai có đau lòng chẳng ai? »*

8.— Việt-Nam nghĩa liệt sử : Sách viết bằng chữ Hán, lai phụ lục thơ vịnh, nội dung là tập trung tất cả những tiểu sử các anh hùng chí sĩ đã vì nước bỏ mình, từ ngày Tây bắt đầu cướp nước ta cho đến năm 1907 lúc cụ viết cuốn sách này ở Nhật-Bản.

9.— Viễn hải quy hùng và Tang hải lệ đàm : Hai cuốn sách này cũng bằng chữ Hán do Mai-Sơn Nguyễn-Thượng-Hiền viết năm 1907 tại Đồng-Văn thư viện trên đất Nhật-Bản. Nội dung tác giả hô hào thanh niên phải mau mau giác ngộ trước cảnh nước mất nhà tan. Hai bản sách này được bí mật lưu hành trong nước, rất có ảnh hưởng.

10.— Việt-Nam quốc sử tham khảo : Sách cụ Phan viết bằng chữ Hán, là một cuốn lịch sử Việt-Nam, thêm phần nhận xét của tác giả, trong đó cụ Phan chứng minh : *Việt-Nam là một dân tộc có truyền thống anh dũng, khả năng độc lập, không một lẽ gì có thể làm nô lệ mãi cho đến quốc Pháp, cuối cùng tác giả hô hào nhân dân nồi dậy làm cách mạng.*

11.— Lão-Bạng phò khuyễn thư : Nguyên cụ Mai-Lão-Bạng tục gọi Già Châu là một người công giáo, mà lại là một lãnh tụ cách mạng ở hải ngoại. Lúc ấy nhàn trong nước

có cái thành kiến kỹ giũa lương và
giáo do bọn phong kiến gây nên mà thực dân
Pháp lại đào sâu thêm nữa.

Nội dung bản sách này nhà ái quốc
Mai-Lão-Bang phân tách đả thông cho lương
và giáo thông cảm hiểu thấu nhau, để thắt
chặt tình đại đoàn kết dân tộc.

Bản sách này ảnh hưởng rất lớn sau khi
được gởi về nước.

Tất cả những văn phẩm trên, đều là sáng
tác ở Nhật gởi về trong nước cổ động cách
mạng trong phong trào Đông-Du (1904-1908).

Cuối năm 1908, vì Pháp giao thiệp với
Nhật, 200 học sinh và mấy nhà lãnh tụ bị
Nhật trục xuất, phong trào Đông-Du thất bại.
Các cụ, người về Tàu, kẻ về Xiêm, thì các
cụ Phan - Sào - Nam, Đặng-Thúc-Híra, Võ-
Trọng-Đài, Đặng-Tử-Kinh, Cao-Danh-Nghĩa,
Đinh-Doãn-Tế trở về Xiêm tiếp tục xây dựng
lại cơ sở cách mạng.

Sau đây là những tác phẩm, mà các cụ
làm ra ở Ban-Thầm (Phi-Chịt) nước Xiêm.

1.— Ái quốc ca mở đầu bằng những câu :

- Nay ta hát một câu ái quốc
- Yêu gì hơn yêu nước nhà ta !
-

2.— Ái chủng ca mở đầu bằng những câu :

- *Giống ta, ta phải yêu nhau*
 - *Đưa lời ái chủng mấy câu giải lòng*
 - *Hai mươi triệu, họ đồng tông*
 - *Da vàng máu đỏ con dòng Hùng-Vương.*
-

3.— Ái quần ca mở đầu bằng những câu :

- *Ái quần ca, ta ca cho nhịp*
 - *Bạn bầy mình phải biết thương nhau*
-

4.— Ái đoàn ca mở đầu bằng những câu :

- *Lòng ta yêu lấy đoàn ta*
 - *Ái đoàn xướng một bài ca giải lòng*
-

(Bài nào còn tìm được chúng tôi sẽ phụ lục ra sau)

QUANG-PHỤC QUÂN PHƯƠNG LƯỢC

Đây là một cuốn sách binh thư. Nguyên năm 1911, sau khi cách mạng Tân-Hợi Trung-Hoa thành công, thì xu hướng Việt-Nam cách mạng cũng thay đổi. Đến năm 1912, các nhà lãnh tụ cách mạng Việt-Nam lại họp nhau ở Tàu, thành lập **VIỆT-NAM QUANG-PHỤC HỘI**.

Khi thế cách mạng Việt-Nam lúc này lại có cơ phục hưng, **QUANG-PHỤC HỘI** hành trướng rất mau lẹ, đã tới lúc dùng vũ trang

bạo động. Đại hội đồng **VIỆT-NAM QUANG-PHỤC** ở Hàng-Châu (Tàu) ủy giao cho ông Hoàng-Trọng-Mậu tức Nguyễn-Đức-Công, một người tốt nghiệp ở **Chấn-Võ học hiệu** ở Đông-Kinh khởi thảo, và nhà lãnh tụ Phan-Sào-Nam giúp ý kiến.

Nội dung sách gồm có :

- a) *Nhiệm vụ của Việt-Nam Quang-phục quân*
- b) *Kỷ luật của Quang-phục quân.*
- c) *Quy chế của Quang-phục quân.*
- d) *Quyền hạn cấp chỉ huy Quang-phục quân.*
- d) *Phản lý thuyết quân sự của Quang-phục quân.*

Bản sách này vẫn áp dụng cho Việt-Nam Quang-phục quân từ năm 1912 mãi cho tới năm 1919 sau khi Quang-phục quân tan hết mới thôi.

Bản sách này hàm súc một tập tài liệu quân sự Du kích chiến gồm : **Phục kích**, **Tập kích**, **Đột kích**, **Định thân kỵ tập**, **Công kiên chiến**, **Vận động chiến**. Theo bài tựa của một tập tài liệu quân sự Việt-Cộng thì trong tập tài liệu đó Võ-Nguyễn-Giáp đã ca ngợi khả năng quân sự của ông Hoàng-Trọng-Mậu trong cuốn **Quang-phục quân phương lược** này. Và Giáp công nhận y đã học hỏi nhiều trong đó để lấy tài liệu huấn luyện cho quân đội Kháng-chiến của y.

Từ tháng 12 năm Quý-Sửu (1913) đến tháng ba năm Bính-Thìn (1916), vì một

dòn giao thiệp của Toàn-quyền Đông-Dương Sarraut và sự chia rẽ giành ảnh hưởng nhau của quân phiệt Tàu, Cụ Phan-Sào-Nam bị Long-Tế-Quang bắt giam tại ngục Quảng-Đông (1913-1916).

Bốn năm bị giam giữ, ngoài cuốn « **Ngục trung thư** » là một cuốn nhật ký ngồi tù, cụ Phan còn sáng tác những tập tài liệu sau đây, để cung ứng cho Cách-Mạng thời bấy giờ:

1.— **Việt-Nam Quốc hồn Lực** viết bằng chữ Hán, theo kiều mẫu « **Trung Quốc Hồn** » của Âm-Băng Lương-Khai-Siêu.

2.— **Ngư-Hải tiên sinh biệt truyện** nói về thân thế và sự nghiệp ông Đặng-Thái-Thân biệt hiệu Ngư-Hải, viết bằng chữ Hán.

3.— **Tiểu-La tiên sinh biệt truyện** nói về thân thế và sự nghiệp ông Nguyễn-Thành, biệt hiệu Tiểu-La, một lãnh tụ cách mạng ở Quảng-Nam.

4.— **Tái-Sinh truyện** nội dung là câu chuyện của một Cán bộ cách mạng, ông Bùi-Chính-Lộ, bị Pháp bắt giam tại nhà lao Vinh. Năm ấy nhân bệnh dịch tả, ông uống « Ba đậu » (1) vào, giả làm mắc bệnh tả để vượt ngục (xem phần phụ lục).

(1) Là một vị thuốc bắc mà nếu người ta uống vào nhiều thì sẽ đi ỉa như mắc bệnh dịch tả.

5.— **Nhân đạo hồn** nội dung nói rõ tinh thần mảnh lực và tất thắng của những ai biết tôn trọng nhân đạo, và thất bại của những người tàn bạo vô nhân đạo.

6.— **Hà-Thành liệt-sĩ truyện**, nội dung tưởng thuật vụ khởi nghĩa bỏ thuốc độc cho Tây ở Hà-Nội được tổ chức như thế nào, nguyên nhân vì sao thất bại, những ai bị giết hoặc bị tù dày...

7.— **Bình-Tây kiến quốc hịch**, một bài hịch kêu gọi toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy làm cách mạng, đánh đổ Đế quốc Pháp, kiến thiết một nước Việt-Nam Cộng-Hòa, theo chính thể Dân-chủ.

Năm 1923, sau khi cụ Phan ra khỏi nhà tù ở Quảng-Đông, cụ vẫn tiếp tục hoạt động cách mạng, và sau Âu chiến kết liễu, thực dân Pháp lại tăng suru-thuế cho nhân dân Đông-Dương để đền bù vào nền kinh tế của chính quốc đang bị kiệt què. Do đó, nhân dân Việt-Nam càng công phẫn, cũng vì thế mà khi thế cách mạng Việt-Nam lúc bấy giờ lại có cơ hòng bột. Để cung ứng cho việc tuyên truyền cổ động cách mạng, lúc này ở Tàu có xuất bản những cuốn sách sau đây :

1.— **Dư cữu niên lai sở trì chí chủ nghĩa :**

(Đường lối chính trị mà tôi đã chủ trì chín năm nay).

2.— Y-hồn đơn : nội dung là một bài thuốc chữa « hồn nước » trong con mè.

3.— Thiên hổ đế hổ : nghĩa là trời ơi đất ơi ! Cái tên sách thì như thế, nhưng nội dung thì có hai phần :

a) Phần thứ nhất nói về chính sách Pháp cai trị Đông-Dương với những thủ đoạn sâu độc :

Lợi dụng tôn giáo để chia rẽ khống khai đại đoàn kết toàn dân.

Dùng pháp luật, binh lính, nhà lao, tòa án để khống bối nhân dân Việt-Nam không dám nổi dậy làm cách mạng.

Dùng giáo dục để làm công cụ cho chính sách ngu dân.

b) Phần thứ hai :

Kinh cáo quốc nội thanh niên học sinh.

Lời hiệu triệu ba vạn đồng bào ở Xiêm.

Bức thư của đoàn thể cách mạng Việt-Nam ở hải ngoại gửi cho chính phủ Hoàng-gia (bằng chữ Xiêm).

Ngày 19-6-1924, Phạm Liệt-sĩ Hồng-Thái ném bom ám sát Toàn quyền Merlin ở Sa-

Diễn, làm chấn động dư luận hoàn cầu, do đó phong trào cách mạng Việt-Nam lúc này rất sôi nổi.

Để cung ứng cho phong trào ấy, ở Tàu cụ Phan và đảng cách mạng có xuất bản những văn kiện sau đây :

1.— **Phạm Liệt-sĩ Hồng-Thái truyện**, cụ Phan viết bằng chữ Hán. Anh em dịch ra quốc ngữ, bí mật lưu hành khắp trong nước.

2.— **Bài tuyên ngôn của Việt-Nam Quốc-Dân Đảng ở hải ngoại về việc bom ở Sa-Diễn :**

a) *Thanh minh cùng nhân dân thế giới.*

b) *Cảnh cáo thực dân Pháp.*

c) *Kêu gọi toàn quốc đồng bào noi chí Phạm Liệt-sĩ Hồng-Thái đấu tranh để giải phóng dân tộc.*

Cụ Đặng-Tử-Kinh ở Thái-Lan cũng làm một bài « **Kính dâng hương hồn Phạm Liệt Sĩ Hồng Thái** » được phổ biến bí mật khắp trong và ngoài nước. (xem phần phụ lục)



Qua năm 1925 cụ Phan-Sào-Nam bị bắt về nước, bị thực dân Pháp mang ra Hội-dồng đề-hình. Phong trào đòi án xá Phan-Sào-Nam năm 1925 cộng với phong trào lê truy điệu cụ Phan-Chu-Trinh năm 1926 thành một cao

trào cách mạng Việt-Nam lúc này dâng lên như vũ bão. Từ đó các chính đảng cách mạng được bí mật thành lập khắp trong và ngoài nước.

Bên cạnh đấu tranh chính trị, các báo chí, các văn nghệ phẩm hoặc bí mật, hoặc đội lốt công khai được phát hành khắp đó đây như ở Pháp, ở Tàu, ở Xiêm và trong nước, mà chúng tôi xin lược tự ra sau.

CHƯƠNG IV

BÁO-CHÍ

**(Báo bí mật, báo công khai, báo xuất bản
ở hải ngoại và quốc nội)**

Như bài trên đã nói, giòng lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc của Việt-Nam, bộ phận báo chí, anh chị em văn nghệ sĩ đã đóng góp một phần rất là xứng đáng.

Nhưng nói tới vấn đề báo chí ở Việt-Nam thời Pháp thuộc thì thật phức tạp. Có những trường hợp :

- *Giắc Nam phong » khéo bắt bình,*
- *Bừng con mắt dậy thấy mình Thương-thơ •*

Lại cũng có những trường hợp :

- *Bắt ông, ông có tội tình chi ?*
- *Viết báo ông can đao luật gì ?*

Hay là :

- *Biết bao giờ là bây giờ !*
- *Cảnh ấy tình này đã biết chưa ?*
- *Tớ bị ở tù, có đóng cửa !*
- *Giang san như thế đã buồn chưa ?*

Cụ Ngò-Đức-Kế nói : « Dân mất nước làm báo mà còn muốn giữ chút lương tâm, thường khi cũng nguy hiểm như làm giặc ».

Thiệt vậy : Nguyễn - An - Ninh đánh « **Chung Rè** » rồi đi dày và chết ở Côn-Lôn. Diệp - Văn - Kỳ đánh Chuông sáng « **Thần Chuông** » rồi mọt gông ở Khám Lớn Saigon.

Vì những sự khó khăn đó nên nói tới vấn đề báo chí, trớn chúng ta cần phải phân loại ra cho dễ nhận thấy :

A.— **Những tác phẩm và báo chí xuất bản ở ngoại quốc.**

a) **Nước Pháp.**

1.— **Tập *Nguyễn vọng của dân tộc Việt-Nam.***

Sau trận đại chiến lần thứ nhất 1914-18 kết liễu, Tổng-thống Hoa-Kỳ là Wilson, đề xướng lên thuyết dân tộc tự quyết. Dựa vào thuyết ấy, nhóm VIỆT-NAM ĐỘC-LẬP ở Ba-Lê, gồm các ông Phan-Chu-Trinh, Phan-Văn-Trường và một số khác mới thảo ra tập **Nguyễn vọng của dân tộc Việt-Nam**, để trình Tổng-Thống Mỹ, Anh-hoàng và Thủ-tướng Pháp Clémenceau, đòi Pháp trả lại quyền độc lập cho Việt-Nam. Nhưng không đem lại một kết quả nào !



Chân dung Mai-Sơn NGUYỄN-THƯỢNG-HIỀN

Người có nhiều văn phầm cách mạng ở hải ngoại Tác giả «Viễn hải quy hòng» và «Tang hải lệ đàm» ở Nhật-Bờn.

2.— **Vụ án chính sách thực dân Pháp** (procès de la colonisation française) của mấy ông trên ; tập sách này gây ảnh hưởng lớn trong dư luận Pháp.

3.— Năm 1922 lại cũng do mấy ông có tên trên, xuất bản tại Ba-Lê một tờ báo chữ Pháp gọi là **Le Paria** (người cùng khổ), một tờ tiếng Việt gọi là **Việt-Nam hồn** và xuất bản cuốn sách bằng tiếng Pháp gọi là **L'Union intercoloniale des gens de couleurs hostiles à la France** (Liên hiệp mọi dân tộc thuộc địa bài Pháp)

4.— Báo **Tribune annamite** của Nguyễn-Phú-Khai xuất bản ở Ba-Lê.

b) Ở Tàu.

Những tờ báo chủ trương dân tộc giải phóng.

1.— Tờ **Thanh Niên** xuất bản ở Quảng-Châu, thị xã tỉnh Quảng Đông (Tàu), cơ quan tuyên truyền cỗ động cách mạng của **VIỆT-NAM CÁCH MẠNG THANH NIÊN**, ra số đầu vào tháng 2 năm 1926, mãi tới cuối năm 1928 mới định bản. Tờ Thanh-Niên được bí mật lưu hành về trong nước nhiều.

2.— Báo **Quân Nhân** của nhóm sinh viên Việt-Nam ở trường võ bị Hoàng-Phố, nội

dùng sốt tuyên truyền cổ động cách mạng vào trong binh lính Pháp.

3.— Tập san « Ngọn Đuốc » có tính chất nội san của Việt-Nam Cách-Mạng Thanh-Niên Đồng-Chí; giáo dục cho hội viên biết qua các chủ nghĩa, các chính thể, các triết gia trên thế giới, nói tóm lại huấn luyện hội viên học hỏi thường thức chính trị.

C.—Ở THÁI LAN

1.— Ở Ban-Đông, thuộc tỉnh (Phi Chit) có báo **Đặng-Thanh**. Nơi này xưa kia có cụ Phan-Sào-Nam sáng lập, khi cụ Phan qua Tàu (1912) thì cụ Đặng-Thúc-Hứa thay thế điều khiển. Tờ báo Đồng-Thanh, cụ Đặng-Thúc-Hứa làm chủ-nhiệm, xuất bản vào năm 1927, mãi tới năm 1930 mới thôi.

2.— Ở ban Noong-Bua, tỉnh Ou-Don có tờ **Thân-ái** của Việt-kiều ở đây xuất bản.

3.— Ở Vặt-Xu-Măng thuộc tỉnh Sa-Khon có tờ **Đại-chung** của Việt-kiều ở đây xuất bản.

4.— Ở Ban-May thuộc tỉnh La-Khon dối diện Mê-Kông với Tha-Khet (Lào) có tờ **Tiếng Chuông**.

Những tờ báo ở Tàu và ở Thái-Lan đều được mang về nước bí mật tuyên truyền cách mạng.

B.— QUỐC NỘI.

a) *Những tờ báo bí mật có chủ trương cách mạng quốc gia.*

1.— Báo **Sóng cách mạng** của **TÂN VIỆT CÁCH MẠNG ĐẢNG** xuất bản ở Trung-Kỳ vào năm 1927. Đảng Tân-Việt còn xuất bản nhiều thi ca, để cổ động tuyên truyền cách mạng (xem phần phụ lục)

2.— Tạp chí **Nam Thành** của Nguyễn-Thái-Học.

3.— Báo **Hồn cách mạng** của tông bộ **VIỆT-NAM QUỐC DÂN ĐẢNG**, tòa soạn ở đường Sơn-Tây (Hà-nội) do Nguyễn-Thái-Học, Nhượng-Tổng, Đoàn-Trần-Nghiệp phụ trách.

Lúc này Việt-Nam Quốc-dân-đảng còn xuất bản nhiều thư sách, như «**Cách mạng tiên thanh**», «**Những câu chuyện chung**» gày ảnh hưởng lớn.

b) *Những tờ báo đội lốt công khai, có chủ trương quốc gia.*

1.— Báo **Cloche félée** (Chuông rè) của Nguyễn-An-Ninh xuất bản ở Sài-Gòn.

2.— Báo **Tiếng-Dân** của Huỳnh-Thúc-Khang, xuất bản ở Huế.

- 3.— Báo **An-Nam** do Phan-Văn-Trường chủ trương xuất bản ở Sài-Gòn.
- 4.— Báo **Echo annamite** của Nguyễn-Phan Long.
- 5.— Báo **Tribune Indigène** của nhóm Nguyễn-Phú-Khai và Bùi-Quang-Chiêu.
- 6.— Báo **La jeune Indochine** do Vũ-Đinh-Dy và Bùi-Ngọc-Ái ở Sài-Gòn.
- 7.— Báo **Le nhà quê** do Nguyễn-Khánh-Toàn chủ trương.
- 8.— Báo **Tân-thế - kỷ** của Bửu-Đinh và Đồng-Sĩ-Binh ở Hà-Nội.
- 9.— Tờ **Hữu - Thanh** do Nguyễn-Khắc-Hiếu chủ trương xuất bản ở Hà-Nội, trước là một tờ báo có tính chất văn học, sau giao lại cho cụ Ngô-Đức-Kế thì biến thành tờ báo vận động chính trị.
- 10.— Báo **L'Union Indochinoise** (Đông-dương-liên-hiệp) bằng Pháp văn, do Vũ-Đinh-Dy, Bùi-Ngọc-Ái, Nguyễn-Đắc-Lộc tức Lộc-Già và Mai-Ngọc-Thiệu, xuất bản tại Hà-Nội, rất được dư luận Việt Pháp chú ý.
- 11.— Báo **Thần chung** của Diệp-Văn-Kỳ xuất bản tại Sài-Gòn.

12.— Báo **La lutte** của Tạ-Thu-Thâu, Trần-Văn-Thạch, Phan-Văn-Hùm, Phan-Văn-Chánh xuất bản ở Sài-Gòn; có lần bị cấm hoặc vì tài chánh kiệt quệ nhưng rồi lại tục bản kéo dài đến cuối năm 1939.

13.— Báo **Tương Lai** do Mai-Ngọc-Thiệu, Vũ-Đinh-Huỳnh, Nguyễn-Đăng-Thục, Vũ-Đinh Dy chủ trương tại Hà-Nội.

14.— Báo **Le militant** của nhóm chiến sĩ H.H.T. ở Sài-Gòn.

c) *Những tờ báo sau đây có xu hướng Cộng Sản.*

1.— Báo **Le Travail** do Nguyễn-Văn-Tiến, Trịnh-Văn-Phú, Nguyễn-Duy-Dực, Huỳnh-Văn Phuông, Đặng-Thái-Mai, Nguyễn-Đức-Chính, Nguyễn-Đức-Kinh, Mai-Ngọc-Thiệu, Trần-Đinh-Long, Vũ-Liên, Nguyễn-Công-Truyền và Nguyễn-Đệ .v.v... xuất bản ở Hà-Nội.

2.— Báo **Việt-Nam** của Nguyễn-Phan-Lêng ở Sài-Gòn.

3.— Báo **Nhành Lúa** của Nguyễn-Khoa-Văn xuất bản ở Huế.

4.— Báo **Hồn Trẻ** do Nguyễn-Uyên-Diêm chủ trương.

5.— Báo **Hà-Thành thời báo** do Nguyễn-Đức-Kính và T.H.L. chủ trương và xuất bản ở Hà-Nội.

6.— Báo **Kiến-Văn** do Nghiêm-Thượng-Văn, Nguyễn-Thượng-Nghi, Mai-Ngọc-Thiệu, T.H.L. chủ trương.

7.— Báo **Tin Tức** và **Thời Thé** bằng tiếng Việt, và những báo **En Avant**, **Rassemblement** và **L'Avant garde** bằng tiếng Pháp do nhóm Đ.X.K., H.B.C., Đ.T.M., V.N.G. xuất bản ngay ở Hà-Nội.

8.— **Cờ giải phóng** là báo Cộng-Sản xuất bản công khai năm 1945 tại Hà-Nội.



Năm 1940, sau ngày Pháp bị đánh bại, ở Đông-Dương quân đội Nhật tràn vào, một cáo trào cách mạng Việt-Nam lúc này lên mạnh.

Nhất là sau ngày 9-3-1945, Nhật hất Pháp ở Đông-Dương. Đề cung ứng kịp thời cho phong trào ấy, những đảng phái chính trị kế tiếp nhau thành lập, đồng thời những tờ báo

có tính chất cách mạng quốc gia sau này được xuất hiện :

- 1.— Báo Kèn gọi quân của Trần-Trung-Lập xuất bản ở Lạng-Son.
- 2.— Báo Kèn gọi lính của Hoàng - Văn - Thủ xuất bản tại vùng Việt-Bắc.
- 3.— Báo Chấn-Hưng xuất bản ở Quy-Nhơn (Trung - Việt) do nhóm Trần-Cánh-Hảo, Lê-Ấm, Hà-Huy-Liêm chủ trương, do ông Nguyễn-Thịnh làm chủ bút, xuất bản được bốn số, thì bị Phát-xít Nhật đóng cửa.
- 4.— Khuyến cáo quốc dân ca của PHỤC-QUỐC ĐỒNG-MINH HỘI do nhà lãnh tụ Kỳ-Ngoại-Hầu Cường-Đề, gởi từ hải ngoại về (xin xem phần phụ lục sau).
- 5.— Báo Tự-Trị của sinh viên Đại-học Hà-Nội, dưới quyền chỉ đạo của VIỆT-NAM QUỐC DÂN ĐẢNG.
- 6.— Báo Việt-Nam, cơ quan ngôn luận hồn hợp của VIỆT-NAM QUỐC-DÂN-ĐẢNG và VIỆT-NAM CÁCH-MẠNG ĐỒNG-MINH HỘI xuất bản tại Hà-Nội vào năm 1945-1946.

Qua 10 năm khói lửa, dân tộc Việt-Nam
đã hy sinh rất nhiều về cả toàn diện, tới nay
đất nước đang bị chia xé, nhiệm vụ thống
nhất đất nước đang đòi hỏi sự góp sức của
chúng ta — những anh chị em cầm bút — !



Chân dung Minh viên HUỲNH-THÚC-KHÁNG

Chủ trương tờ báo Tiếng-Dân ở Hué.

Phần Phụ lục

BÀI CA Á-TẾ-Á

Tác giả bài này là cụ Nguyễn-Thiện-
Thuật. Cụ sáng tác khi xuất dương qua Tàu.

Nội dung : đoạn đầu tiên nói về Á-Châu là một châu đất rộng người nhiều, sản vật phong phú, lý ưng phải đứng đầu năm châu.

Đoạn thứ hai nêu rõ nước Nhật-Bản đã
nhờ « duy-tân » mà văn-minh theo kịp Âu-Mỹ,
là nước đáng cho Việt-Nam bắt chước.

Đoạn thứ ba : kể rõ nỗi áp bức bóc lột
của thực dân Pháp, mà nhàn dân Việt-Nam
phải chịu.

Cuối cùng tác giả hô hào đồng bào đoàn
kết làm cách mạng.



Á-Tế-Á năm châu là bậc nhất
Người nhiều hơn mà đất rộng hơn,
Cuộc đời mở hội dinh hoành
Anh hùng bốn bề giang san một nhà
Gãm từ thuở Âu-La tiếm đất

BÚT CHIẾN ĐẤU

Vượt trùng dương qua Nhật, Triều-Tiên
 Tiêm-La, Diển-Điện gần liền
 Cao-Miên, Chân-Lạp thông miền Ai-Lao,
 Thịt mợt miếng trăm dao xâu xé
 Chiếc kim âu đã mě khôn lành
 Tôi từ Pháp, ruồi muỗi Anh !
 Nén hơi đại Đức, chịu lòn cường Nga
 Gương Ấn-Độ chẳng xa đâu đó
 Chẳng máu đào cũng họ da vàng.
 « Mènh mông một giải Đông-Dương
 « Nirorc non nò lệ trọng càng thêm đau.

« .
 « . . :
 « . . :
 « . . :

Ngồi mà nghĩ thêm sâu thêm tủi
 Nước Nam minh gấp buồi truân chuyên.
 Dã man quen thói ngu hèn
 Biết chi nước mất nòi tan nỗi này
 Từ Pháp-lan thẳng tay đô hộ
 Dày xéo lên mồm mả ông cha
 Giống nòi tủi nhục xót xa
 Vua là tượng gỗ, dân là thân trâu
 Việc giây thép, việc tàu, việc pháo
 Việc canh nông, việc giáo học đường.
 Việc kỹ nghệ việc nông thương
 Việc khai các mỏ, lập đường hỏa xa.
 Giữ các việc chẳng qua người Pháp
 Người Việt-Nam bồi bếp cu-li !
 Thông ngôn, ký lục chí chí

Mẩn đòi linh tập, trọn vì quan sang.
 Các hạng thuế Pháp càng tăng mãi
 Thuế định điền rồi lại thuế bò
 Thuế chó cùi, thuế lợn bò
 Thuế muối, thuế rượu, thuế dò, thuế xe
 Thuế tất cả, trầu, cau, chè, thuốc
 Thuế mòn bài, thuế nước, thuế đèn
 Thuế nhà cửa, thuế chùa đèn
 Thuế rừng tre, gỗ, thuế thuyền bán
 buôn.

Thuế dầu mêt, thuế sơn các chỗ.
 Thuế gạo rau, thuế đỗ, thuế bông
 Thuế tơ, thuế sắt, thuế đồng
 Thuế chim, thuế cá, khắp trong ba kỳ
 Nhiều hạng thuế kê chi cho xiết.
 Thuế « phát xia » thôi việc là lùng
 Nói ra luống những đau lòng
 Cha con khổ nhục, vợ chồng lìa tan
 Cũng có lúc bầm gan tim ruột
 Rạch trời kêu mà tuốt gươm ra
 Cũng xương, cũng thịt, cũng da !
 Cũng dòng máu đỏ của nhà Lạc-Long.
 Thể mà chịu trong vòng trói buộc
 Mấy mươi năm nho nhuốm làm than
 Than ôi ! Bách-Việt giang san
 Thông minh đã sẵn, khôn ngoan có thừa
 Hồn mê mẫn tỉnh chưa ? chưa tỉnh !
 Anh em mình phải tính sao đây ?
 Nhật là bạn, Pháp là thầy. . . .
 Trí khôn phải học, điều hay phải tìm,

Việc tàn học kíp đem sang trước,
 Hội dân đòn cả nước với nhau.
 Sự buôn ta lấy làm dầu,
 Mọi nghề cùng ghé, đội cầu một vai
 Bây giờ kẽ còn dài chưa xiết
 Chữ tự do xin kết một lòng
 Gương Nhật-Bồm đất Á-Đông
 Giống ta, ta cũng soi chung kẽo mà
 Đường học thức dần dà mở rộng
 Nước Lang-Sa rồi cũng nồng
 Có khi Âu-Á chưa hùng
 Thay phường nô lệ, làm phường văn minh
 Kia thuở trước như Anh, Pháp, Đức
 Cũng chẳng qua cùng cực thời thông
 Họa may trời có chiều lòng
 Việt-Nam đứng vững phuong Đông môt
 mình
 Thân phiêu bạt đã dành vô lại
 Bấy nhiêu năm Thượng-Hải, Hoành-Tàn
 Liêu-Đông nhân lúc tùy quân
 Tủi thân bôn bá theo chán khải hoàn
 Bưng chén rượu ân ban hạ tiệc
 Gạt hàng châu khép nép quỳ lầu
 Trời Nam mờ mịt ngàn dâu
 Gió thu như thổi cơn sầu năm canh
 Biết bao nỗi bất bình khôn giải
 Mượn bút thoa mà gởi quốc âm
 Thân luron bao quản cát lầm
 Khuyên ai dốc chữ đồng tàn sau này

ÁI CHỦNG CA

(do Việt-Nam Quang-Phục-Hội phát hành.
Phan-Sào-Nam sáng tác tại Thái-Lan)

Giống ta ta phải yêu nhau !
 Đưa lời ái chủng mẩy cầu giải lòng
 Hai mươi triệu họ đồng tông
 Da vàng máu đỏ cợn giòng Hùng-Vương
 Mẩy ngàn năm cõi Viêm-bang
 Đua khôn hoa Hán, mở đường văn minh
 Tài anh kiệt nối đời sinh
 Đánh Nguyên mẩy lớp ; phá Minh mẩy lần
 Mở mang Chân Lạp, Chiêm-Thành
 Miền Nam lừng lẫy giống thần mở mang
 Tiếc thay giống tốt nòi sang
 Vì sao sa sút cho mang tiếng hèn
 Xưa sao đứng chủ cầm quyền
 Giờ sao nhẫn nhục chịu hèn làm tôi
 Xem Tàu như tháth như trời
 Người Nam ta chịu dưới nời a-tỳ
 Giang sơn thiện với tu my
 Đá kia cũng xót, sòng kia cũng sầu !
 Nào anh em chị em đâu !
 Kết đoàn ta phải bảo nhau thế nào ?
 Chữ rắng đồng chủng đồng bào
 Yêu nhau ta phải tinh làm sao đây !
 Muốn cho nội ngoại giao phù
 Sáu-mươi-lăm tinh cũng như một nhà

Muốn cho Nam Bắc hợp hòa
 Hai mươi lăm triệu cũng như một người
 Đừng cay thế, đừng khoe tài
 Bỏ điều riêng nhỏ, tính điều lợi chung.
 Chớ giành khi, chớ khoe công,
 Dứt tình ghen ghét bỏ lòng xai nghi
 Ai ơi xin sửa mình đi
 Công tư đức ấy hai bè vẹn hai
 Những điều hại nước tan nỗi
 Rước voi công rắn thì thôi xin chừa
 Một mai thời thế chuyền cơ
 Anh em ta lại như xưa sum vầy
 Họ hàng đồng đùi cánh vây
 Chen vai, ưu thắng ra tay cạnh tồn.

ÁI QUỐC CA

(Do Việt-Nam Quang-Phục Hội phát hành, Phan-Sao-Nam sáng tác bằng chữ Hán tại Thái-Lan,
 nhà chí sĩ Lê-Đại dịch ra Việt văn)

Nay ta hát một câu ái quốc
 Yêu vì hơn yêu nước nhà ta
 Nghiêm trang hốn mặt sơn hà
 Ông cha ta để cho ta lọ vàng
 Trải mấy lớp tiền vương dựng mở
 Bốn ngàn năm giải gió dầm mưa
 Biết bao công của người xưa

Gang sông tắc núi dạ dưa ruột tắm
 Hào Đại hải àm àm trước mắt
 Giải Cửu Long quanh quất miền tây
 Một tòa san sát xinh thay
 Bắc kia Vân, Quảng, Nam này Côn Lôn
 Vẻ gấm vóc nước non thèm đẹp
 Chắc những mong cơ nghiệp dài lâu
 Giống khôn há phải đàn trâu
 Giang sơn nở đẽ người đầu vây vùng
 Hâm-lăm triệu người cùng của hết
 Sáu mươi năm nước mất quyền không
 Thương ôi công nghiệp tồi tòng
 Nước tanh máu chảy non chồng thịt cao
 Non nước ấy biết bao máu mủ
 Nữ nào đem nuôi lũ sài lang
 Cờ ba sắc xứ Đông-Dương
 Trông càng thêm nhục nói càng thêm đau
 Nhục vì nước mà đau người trước
 Nồng nỗi này non nước cũng oan
 Hồn ôi về với giang san
 Muôn người muôn tiếng hát vang cầu này
 Hợp muôn sức ra tay quang phục;
 Quyết phen này rửa nhục báo thù
 Một cầu ái quốc reo hò
 Xin người trong nước phải cho một lòng

KÍNH DÂNG HƯƠNG HỒN PHẠM LIỆT-SĨ HỒNG-THÁI

Của cụ Đặng-Tử-Kính, một nhà nguyên lão cách mạng, bạn đồng chí với cụ Phan-Sào-Nam. Năm 1905 qua Nhật, đến 1909 về Xiêm, năm 1928 mệnh chung ở tỉnh Phi Chít (Xiêm). Bài này cụ làm nhân ngày lễ truy diệu Phạm Liệt-Sĩ Hồng-Thái.

Nước Việt-Nam bốn ngàn năm lè
 Bảy mươi năm đáo để lầm than
 Mịt mù một áng khí oan
 Sông sỏi máu chảy non chan lè sầu
 Hồn liệt sĩ ù ù gió quạt
 Dạ anh hùng tim ngắt lá gan
 Nhớ xưa người ở Nghệ-An
 Là Phạm-Hồng-Thái cả gan anh hùng
 Thẹn vì nước mắc vòng tội tớ
 Giận Mặc-Lanh (Merlin) là dứa gian hùng
 Ra tay một tiếng sấm vang
 Năm châu dậy đất Mặc-Lanh di dời
 Tám giờ tối tàu binh ghé lại
 Hắn lẩn lén Sa-Diện rong chơi
 Bấy giờ cơ đã tới nơi
 Lòng người có chí thì thời cũng bênh
 Ông khi ấy một mình len lỏi
 Một chiếc thuyền theo dõi bờ sông

Toàn quyền Đông-Pháp Mặc-Lanh
 Hắn lèn xe điện thẳng dong cửa hàng
 Thành Sa-Diện phố phường dồn rước
 Mọi vào nhà thết tiệc hoan nghênh
 Ông vào thám thính phản minh
 Lai gần chủ lính đang canh nạt dồn.
 Tám giờ tối bàn hoàn chưa định
 Việc gấp rồi phải tinh mau mau
 Khen người kẽ hoạt mưu cao
 Tốc ngay cùa sồ ném vào một khi
 Người trong tiệc còn chi đâu nữa
 Chúng kinh hoàng hồn rũa phách tan
 Tay kia mới hết khoe khoang
 Xương tan xác pháo thịt tan bụi hồng
 Chốn Sa-Diện một vùng tối mịt
 Thuyền Châu Giang trăm chiếc dồn dưa
 Hy sinh cứu nước bảy giờ
 Hồn thiêng cao phất ngọn cờ tự do
 « Anh hùng vị quốc quyền khu »
 Sông Châu Giang ấy nghìn thu lưu truyền.

VỢ KHUYẾN CHỐNG

(Hồng Lam ca điệu)

Của cụ Giải-nghuyên Lê-Văn-Huân, lãnh
 tụ TÂN-VIỆT CÁCH-MẠNG-ĐÀNG sáng tác bài
 này với mục đích cõi động thanh niên xuất
 dương làm cách mạng. Muốn có tác dụng

mạnh hơn, tác giả dùng lời một người vợ khuyên chồng :

Chàng ôi chàng !
 Thiếp xin chàng ngồi lại !
 Thiếp bàn giải đôi lời !
 Hơn sáu bảy mươi năm trời
 Đem thân làm nô lệ
 Cùi đầu làm nô lệ



Nỗi đắng cay xiết kẽ
 Nói ra những thêm sầu
 Chữ nhẫn sỉ sự thù
 Sao mà anh chịu được ?
 Sao mà chàng chịu được ?



Nước với nòi tan tác
 Nhà cũng chẳng còn đâu
 Sao không liệu mau mau
 Đè tim phương cứu lại
 Đè tim đường cứu lại



Thiếp tội tuy rằng gái
 Thấy vậy cũng sầu bi
 Chàng nam tử tu mi
 Tại làm sao không biết ?
 Tại thế nào không biết ?



Chỉ ham diều hoa nguyệt
 Chỉ chè rượu bạc cờ
 Chỉ hờ hững ngần ngo
 Chịu làm dàn mất nước
 Chịu làm người mất nước



Thủ xem kia ! sau trước !
 Nợ các nước lân bang
 Bọn nam tử đường đường
 Làm cho nước thịnh cường
 Sứ xanh còn chép đẽ
 Bia vàng còn tạc đẽ



Chàng con nhà thi lẽ
 Vốn nòi giống Lạc Hồng
 Sao ngồi chịu trong vòng
 Cho quân Tây dày dọa
 Cho quân thù dày dọa



Xin từ nay tạc dạ
 Lấy cách mạng cơ quan
 Cốt tő chức kết đoàn
 Làm sao cho nghiêm nhặt
 Làm thế nào cho nghiêm nhặt



Còn như việc gia thất
 Đã có thiếp lo rồi
 Đường đi ngược về xuôi
 Mặc súc anh vùng vẫy
 Mặc súc chàng vùng vẫy



Chàng làm sao cho dân được cày
 Cho non nước được thái bình
 Dù thác cũng cam tình
 Thiếp không phản nàn chi nữa
 Thiếp không dám phản nản chi nữa.



Những lời vàng đá !
 Thiếp ngô lại ân cần
 Chàng ơi ! « Vị quốc vong thân »

HOÁN TÌNH QUỐC DÂN

(Bài này đăng tải trên báo “Thanh Niên”
 xuất bản ở Tàu năm 1927)

Nước Nam ta từ ngày Pháp lấy
 Kê năm đà sáu bảy mươi rồi
 Thương ôi, đâu bờ biển dời !
 Non sông nước vực chông gai đầy đường
 Nay xin kê rõ ràng sau trước
 Đề cho người trong nước đều coi
 Pháp kia hiềm độc thì thôi
 Bảy mươi thiết kế giết nòi giống ta

Thuốc a-phiến ấy là rất độc
 Mắc nghiện vào thịt ròc xương mòn
 Vậy nên các nước dinh hoàn
 Nước nào cũng cấm ai còn dùng đâu !
 Thế mà Pháp hiềm sâu khôn xiết
 Cho dân ta hút biết bao nhiêu
 Thương ôi hút thuốc càng nhiều
 Dân ta tài lực tiêu hao lại càng
 Nó lại chế rượu còn rất độc
 Lập công ty nấu đúc làm ra
 Men pha pha chế cho già
 Kẽ trong độc chất, cũng là lầm thay
 Thế mà nó ngày ngày bắt uống
 Cứ mỗi làng đóng xuống bao nhiêu
 Thương ôi rượu uống càng nhiều
 Giống nòi sinh dục tiêu hao trăm đường
 Nó đánh đủ trăm đường thuế mà
 Rút dân ta hát mẻ không còn
 Dân ta tiền mất của mòn
 Mồ hôi nước mắt chẳng còn chút chi
 Lại bắt phu chở đi ngoại quốc
 May ai di mà đã được về
 Chân trời góc bờ lưu ly
 Nỗi thán sống sót biết gì được đâu
 Thế là Pháp hiềm sâu bạc ác
 Mà người mình ngờ ngác chưa khôn
 Tưởng rằng Pháp hắn làm ơn
 Biết đâu là hắn đã tham lẩn tàn



Có kẻ nói nước mình từ trước
Trải bao phen mưu chước đánh Tây
Duy-Tân, Đề-Thám mấy tay
Hà-Thành đầu độc, Trung-Kỳ kháng sưu
Rút dùng lại chỉ điều thất bại
Một mình tôi chống lại được sao
Nói ra sao chẳng nghĩ vào ?
Vì sao thất bại vì sao chưa thành
Vì chưa biết họp thành tổ chức
Vì không ai gắng sức tuyên truyền
Vì chưa đoàn kết hoàn toàn
Vì chưa lấy chữ dân quyền dựng nên
Chỉ nghĩ rằng bợ bèo thân ốc
Mang được đâu cái gòc rêu kia
Âu là nhắm mắt ngoảnh đi
Giang san chìm nỗi mặc gì đến ta
Ấy là chẳng bằng loài chim cá
Trách gì đâu người dọa người khinh
Nèn hư thì cũng tại mình
Muốn hèn thì chớ, muốn vinh thì làm
Minh cũng là Việt Nam phần tử
Phải ra tay gìn giữ giỗng nòi
Phải làm cho thế gian coi
Phải cho thiền hạ biết nòi Lạc Long
Phải ra sức gắng lòng yêu nước
Phải đem mình đi trước anh em
Phải làm cho quốc dân xem
Phải gan tranh đấu, phải kiên tập rèn

Phải biết lẽ người hèn vì độc (1)
 Phải cùng nhau kết sức hội hè
 Đến khi mạnh cánh lớn bè
 Tây kia bạo ngược cũng e người mình
 Minh mà biết hy sinh bảo quốc
 Giống nòi mình sẽ được vê vang
 Minh mà nhút nhát trăm đường
 Giống nòi mình chắc tan hoang có ngày
 Minh có dại thì Tây mới lấy
 Khi mình khôn hẳn phải trả mình
 Ai ơi nghĩ lại cho rành
 Nước mà đã mất thì mình còn đâu
 Nôm na chắp vá và cầu
 Khuyên người trong nước mau mau kết
 đoàn

CÙNG NGƯỜI DÂN NGHÈO

(của Tân-Việt Cách Mạng Đảng)

Tác giả cụ : LÊ-VĂN-HUÂN

Hỏi những kẻ dân ta nghèo đói
 Có biết rằng nòng nỗi vì ai !
 Cả năm dòn gánh đè vai
 Mồ hôi nước mắt không tài kiềm ra
 Kìa lĩnh vé các tòa các sở
 Nào nộp tiền các chợ, các ty
 Mấy lần thuế lại thuế đi

(1) có lẽ là cô độc

Tinh cho đủ thuế còn gì mà ăn
 Con với vợ mặt nhăn vì đói
 Mà Tây thi cứ trói lấy tiền
 Cực thay sưu nặng thuế phiền.
 Róc cho đến chết lợi quyền chưa tha
 Minh cá thịt, Tây là dao thớt
 Sống làm sao cho thoát tay người
 Than ôi ! sống một kiếp người !
 Thà rằng chết quách cái đời buồn nho...
 Liệu đứng dậy mở cờ cách mạng
 Thoát khỏi vòng nô lệ bấy nay
 May ra sống được là hay
 Chẳng may thác cũng là tay anh hùng
 Một cái thác lông Hồng núi Thái
 Tinh đói đường phải trái mà theo
 Hơn hai mươi triệu đồng bào
 Trên đường cách mạng ào ào tiến lên
 Nước nhà cơ nghiệp vẹn tuyển
 Việt Nam ta giữ lợi quyền của ta
 Mấy lời thuận miệng ngâm nga
 Ai ôi xin nhớ bài ca hợp đoàn.

CÙNG NGƯỜI DÂN CÀY

(Bài này của Tân Việt
 Cách Mạng Đảng)

Tác giả : LÊ-VĂN-HUÂN

Thương thay những kẻ dân cày
 Da đen mặt xám ngày ngày gian lao

Gà vừa gáy òn ào thức dậy
 Cơm chưa xong đã chạy vác cày
 Cày cày cuốc cuốc tối ngày
 Lo nay cấy gặt, lo mai vụn tròng
 Mặc dầu nắng đốt mura giòng
 Chân không bén đất, tất không bén giường
 Càng khó nhọc lại càng cơ cận
 Quanh cả năm cơm hầm cà chua
 Khổ đã rách ba tua còn vá
 Áo tươi bời chẳng khá che da
 Vì ai nên nỗi thiết tha
 Vì chung sưu nặng thuế gia mấy lần
 Pháp kia đã ép trăm phần
 Mà phường quan lại, lại dần tận xương
 Vợ con đói còn dương lăn lóc
 Sưu thuế kia còn róc tận xương
 Lại thêm quốc trái công lương
 Một năm mấy bận lê thường chẳng tha
 Khổ như thế thiết là khổ thiết
 Anh em ơi đoàn kết lại nào ?
 Vì bằng cứ mãi lia nhau
 Thì nó ép mãi hết dầu chẳng tha
 Đoàn kết rồi lấy lại nước ta
 Nhà ta ta ở, ruộng ta ta cày
 Tôi gì chịu lụy thằng Tây

CÙNG CÁC THẦY THÔNG KÝ

(Bài này đăng tải trên báo Sóng cách mạng
cơ quan của Tân-Việt Cách Mạng Đảng)

Tác giả cụ LÊ VĂN HUÂN

Khi còn bé hổ cho đi học
 Vào nhà trường miệng đọc A, B.
 Sớm khuya đèn hạnh sách lè
 Lam-Kiều xe ngựa đi về mặc ai
 « Đích-tê » với mấy bài phép toán
 « Véc-bờ » kia cũng rán sức chia
 Ân cần dậy sớm thức khuỷa
 Chỉ lo học tập biết gì ăn chơi
 Mấy năm trời xi-lô, xi-lốc
 Hạch đỗ rồi ông đốc, ông thông
 Lương ăn bảy tám chục đồng
 Tưởng rằng vinh hiển bõ công tập rèn
 Biết gì chuyện nòi hèn nước mắt
 Xem ông Tây như Phật như Tiên
 Trong trường nhồi sọ đã quen
 Hẽ khi mở miệng là khen Tây lành
 Gà què chạy loanh quanh cối thóc
 Thầy có ăn trắn trọc chun vào
 Biết chi đồng chủng đồng bào
 Biết chi thế giới phong trào là chi
 Kiếm được tiền đem đi vung phá
 Thầy việc hay cũng chẳng dám làm
 Minh do thôi quản chi chàm
 Vả tai đá đít cũng cam chịu vầy

Không phải là các thầy thông kỵ
 Chẳng biết điều liêm sī hiếu trung
 Nếu như có kẻ nói cùng
 Chắc là sẽ động đến dòng lương tâm :
 Chúng tôi đã biết lầm từ trước
 Rày về sau việc nước xin lo
 Nước nhà độc lập tự do
 Trước lo lý luận sau lo thực hành
 Để thoát khỏi cái vành nô lệ
 Người Nam ta trị lấy nước ta
 Ai ôi nghĩ lại kéo mà
 Thông ngôn kỵ lục cũng « người Nam ».

SUM VẦY BỐ LÚC LƯU LY

Bài này đăng tải trên báo Đồng-Thanh, một tờ báo
 cách mạng ở Thái Lan : xuất bản năm 1927.
 (Theo điều ca trù)

Người một nước vốn cùng chung một
 giống
 Nỗi nhục vinh sống thác phải cùng nhau
 Bốn ngàn năm chung giọt máu đào
 Phải nước lá chi đâu mà dênh đoảng
 Sao ta lại lia tan chèn mảng,
 Nghĩ nguồn cơn thêm cay đắng can trường
 Vận nước nhà biến cố tang thương
 Sao mình lại Sâm Thương người một ngã
 Thơ rằng :

Trường thử bách niên cam thỏa mạ
 Bất tri hà nhật xuất lao lung (1)
 Hồi ơi ôi con Lạc cháu Hồng !
 Rời rạc mãi thù chung sao trả được !
 Thôi thôi ! thôi kề chí mấy mươi năm về
 trước
 Giải đồng tâm ta liên lạc tại từ đây !



Sum vầy bõ lúc lưu ly.

NHIP KÈN THÂN ÁI

Bài này đăng tải trên một tờ báo cách mạng ở Thái-Lan
 năm 1928. Tên báo là «Thân Ái» xuất bản ở
 Ban Noong-Bùa—tỉnh Oudonne

Đã là người đứng trong trời đất
 Ai là không tai mắt thông minh
 Có đầu óc biết nhục vinh
 Cuộc đời há dẽ làm thịnh sao đành
 Việc thế giới bất bình lầm nỗi
 Vận nước nhà chìm nổi đói phen
 Người sang sao chịu ta hèn
 Người đua ta phải đua chen với người
 Bước tiến thủ lấy ai chỉ đạo
 Cờ tiên phong có báo đua đường
 « Nhịp kèn thân ái » kêu vang

(1) Hai câu này có nghĩa là :

Dắng đặc trăm năm cam nhục nhã,
 Biết đến ngày nào thoát ngực gông.

Gọi người đang lúc canh trướng chiêm
bao
 Hỏi gần xa kiều bào năm vạn
 Cảnh bèo trôi, chiếc nhạn lạc đà
 Lòng mình tự hỏi mình xem
 Đêm khuya tờ báo ngọn đèn với ta
 Đồng bào hỏi tinh chua ? chưa tinh ?
 Thủ non sông ta tinh sao dày
 Hoàn là bạn, bão là thầy
 Được thua hơn thiệt tính bảy dạy nhau
 Khuyên ai nấy mau mau tinh dày
 Nhớ lấy cầu máu chảy ruột mềm
 Lòng mình tự hỏi mình xem
 Lắng tai nghe lấy nhịp kèn gọi ta.

NGOÀNH MẶT VỀ NAM

Bài cảm tác của cụ Hồ-học-Lạm, một nhà cách mạng Việt-Nam trước ở Nhật, sau về Tàu sung chức «Dinh-trưởng» (quan Tư) trong bộ tham mưu của quân đội Dân-quốc Trung-hoa ở Bắc Kinh. Cụ cảm tác vì thời cuộc ở nước nhà qua những trận khủng bố tàn sát của đế quốc Pháp vào những cuộc khởi nghĩa Yên-Báy và Nghệ-Tĩnh :



Thường khi ngoảnh mặt về Nam
 Trọng về cõi quốc chạnh niềm gia sơn
 Trưởng trong nước đang cơn khủng bố

Đồng bào minh thân có ra chi
 Thịt da cá thớt thời thi
 Phen này mặc sức quân Tây chặt vầm
 Chốn ngực thất ngàn trăm oan khuất
 Thịt theo kèm da đứt với roi
 Côn Lôn, Lao-Bảo mấy người
 Chân rừng gốc hè là nơi chết già
 Lại đến kẻ đem ra hành tội
 Giữa pháp trường một lưỡi gươm theo
 Thân bảy thước nhẹ bao nhiêu
 Hồn chiến sĩ, đạn bay vèo cái xong !
 Nghĩ mình cũng đồng trong thanh khí
 Cũng đồng tâm, đồng chí với ai
 Cũng yêu giỗng, cũng thương nòi
 Cũng chèo non nước, cũng vai sơn hà
 Sao ai chịu muôn vàn cực khổ
 Mà thân ta lại được an toàn
 Thân này tạm được bình an
 Giám đâu yên hưởng mà sờn chí xưa

 Làm sao có một lúc nào
 Thúc ran nhịp trống dương cao ngọn cờ
 Về đánh đổ Lang-sa để quốc
 Đề trả thù rửa nhuốc anh cha
 Lưỡi gươm Tây đã giết ta
 Bây giờ ta lại quay mà giết Tây
 Lại giết luôn cả bầy tầu cầu
 Chịu cam tâm thờ lũ quốc cừu

Phá cách mạng, giết đồng bào
 Gây nên khủng bố phong trào ngày nay
 Mới hả dạ người noi luy tiết
 Mới thỏa hờn ai chết trước mình
 Mới không phụ chí bình sinh
 Mới không uồng cái công trình xuất dương
 Nôm na chắp vá mấy hàng
 Xin người trong hội đoạn trường biết cho.

BÀI VĂN CỦA VIỆT-KIỀU Ở THÁI-LAN VỌNG TRUY ĐIỆU NHỮNG LIỆT SĨ NGHĨA DÂN ĐÁ BỎ MÌNH TRONG 2 CUỘC KHỐI NGHĨA YÊN-BÁY VÀ NGHỆ TÍNH

Bài này được đăng tải trên tờ báo « Tiếng Chuông » cơ quan
 cách mạng của Việt-Kiều ở La-Khon. Tác giả :
 cự ĐĂNG-THÚC-HÚA

Thạn rằng :

Vùng Quế hải gió tanh mưa máu, áng ba
đảo vì tình thế xui nèn !

Cõi Viêm bang núi thịt cὸn xương, nỗi
bi thảm xưa nay chưa mấy có.

Ngoài ngàn dặm trông về cõi quốc, non
sầu bẽ thảm, quấn ruột gan như chín khúc
tơ vò.

Cuộc trăm năm tưởng tới đồng tâm, cỏ
úa hoa dàu, dẫu săt đá cũng hai hàng lè nhỏ.

Anh em chị em ta !
 Gặp lúc vận nước suy vi !
 Giống nòi cực khô.

Quân quỷ trăng, già tay bóc lột, rày sưu
 mai thuế, bóc tận xương da !
 Lũ lăng xanh, bu miền dĩnh chung, bán nước
 buôn dân, kè chi máu mủ.

Tuy cách mạng đã từng phen bồng bột,
 tiếc nỗi tâm chí có thừa, mà phương châm
 chưa đủ ; sức ve minh chầu dành chịu khoanh
 tay.

Thôi thì dày bừa hết cách, đàn áp đủ
 đường, dầm ngựa ách trâu, hãy còn triu cồ.

Tui tàn học đua nhau Âu hóa, bình đẳng
 tự do thoa cửa miệng, thực lòng vì nước trăm
 người chưa có một, ngắm tiền đồ thêm ngán
 bọn Tây du.

Bọn cựu nho toan kế duy-tân, anh hùng
 lãnh tụ chất đầy lòng, thực dạ vì nòi, xót số
 được bao nhiêu, thôi đại sự chắc chỉ người
 Đông-dò.

Nay gặp lúc phong trào sôi nổi, khắp năm
 châu trống dục kèn kêu.

Nay gặp người chỉ lối đưa đường, cùng
 bốn bề triều dáng sóng vỗ

Rừng cách mạng ta góp cây !
 Bão cách mạng ta góp gió !

Màn phấn đấu khởi tháng hai năm ngoái,
 cõi Yên Bát dậy một phen oanh liệt, máu
 quốc dân phun nhuộm đầm sa trường.



Chân dung Liệt-sĩ NGUYỄN-THÁI-HỌC

Lãnh-tụ Việt-Nam Quốc-dân-đảng ; chủ trương
tạp chí «Nam-Thanh» và báo «Hòn-Cách-Mạng», Cơ-
quan ngôn-luận của Trung-ương Đảng-bộ V.N.Q.D.Đ.

Cuộc biều-tinh liền tháng chín vừa đây,
đất Hồng Lam gầy mấy trận tung hoành, hồn
tổ quốc kêu vang kèn dụng võ.

Nhàn dàn Việt đã quyết chí tiêm cùu;

Để quốc Pháp phải già tay khùng bõ.

Thương những kẻ gan vàng dạ sắt, lăn
lóc tuyên truyền vận động, bỗng rủi cơ mưu
bại lộ, nhẹ lóng hồng khi tên máy đoạn đầu.

Xót những người rách áo đói cơm, ước ao
hạnh phúc dân quyền, mà đem tính mạng hy
sinh, phá hang cợp để tìm đường sinh lộ.

Thương những kẻ trong trường thương
mại, phá gia nghiệp ngàn vàng tư trợ, án tình
nghi không quản lúc kèm tra.

Xót những người giữa áng binh nhung,
rắp ranh thân Hán tàm Hán, churóc đảo qua
gầy mấy trận tung hoành, hồn nghĩa liệt
nhoáng theo hòn đạn nồ.

Bạn má phấn phất cờ nương tử, chi tang
bỗng, duyên hò thi, phận liêu bồ vùi giữa đám
binh dao.

Bọn đầu xanh kết đội thiếu niên, đi diễn
thuyết, phát truyền đơn, đem sinh tử để ra
ngoài mệnh số.

Thương những kẻ Hỏa-lò Khám lớn, mài
mặt chống cùng oai võ, tiếc nỗi gan vàng mà
mệnh bạc, hồn lia theo ngọn búa đầu roi.

Xót những người Lao-Bảo, Côn Lôn, bấm

gan chịu với phong trần, gấp nơi nước biếc non xanh, xác dành gởi ngàn cây nội cỏ.

Ôi thương ôi ! tấc dạ trung trinh, tấm lòng kiên cố. Những cái chết đáng thương đáng tiếc, đáng dạ nhớ lòng ghi !

Những cái chết đáng quý, đáng yêu, đáng bia đồng tượng gỗ.

Người ấy vi còn sống lại, còn hy vọng cho quốc gia dân-tộc còn nhiều.

Thân kia dầu có chết đi, cũng ảnh hưởng cho cách mạng đồng bào chẳng nhỏ.

Anh em chị em tôi !...

Tủi phận quê người. Chạnh niềm nước cũ. Đọc đến chữ « Tinh thần bất tử » dạ định ninh kẻ khuất với người còn. Gầm đến câu « Khi phách trường tồn » lẽ truy diệu biểu tấm lòng ái mộ !

... Hỏi ôi ! Thương thay !!!

KHUYẾN CÁO QUỐC DÂN CA

(của cụ Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đề ở hải ngoại gởi về
đè ngày 11 tháng 5, năm 1944)

Nước mất 60 năm rồi đó
Quốc dân ta có nhớ hay không ?
Kia xem các nước Á-dông,
Diển, Phi đều đã thoát vòng Mỹ-Anh !

Chỉ còn có một mình ta đói
 Vẫn đê cho Pháp nó đè đầu
 Pháp kia còn có chi đâu
 Từ ngày thua Đức đã hồn diệt vong
 Gọi là nước thật không thành nước
 Ấy thế mà vẫn được trị mình
 Vẫn còn bạo ngược hoành hành
 Mà ta lại vẫn trung thành lạ thay !!
 Làm nô lệ đến ngày nào nữa ?
 Đến ngày nay chưa biết chán sao ?
 Hồi hăm lăm triệu đồng bào !
 Chuyện ta ta phải tinh sao bày giờ !
 Chẳng lẽ cứ ngồi chờ đến chết
 Giương mắt trông của hết dân cùng
 Bảo nhau phải hết một lòng
 Phen này ta quyết chẳng đóng quân thù
 Ông cha trước hình Ngò, sát Thát
 Nói giỗng mình hèn nhát chi đâu !
 Sao ta lại chịu cúi đầu
 Làm tội tá Pháp như trâu như bò !
 Minh khốn khổ ấm no chẳng đủ
 Riêng sướng cho một lũ Tày dầm
 Ai người có chút lương tâm
 Nghĩ nồng nỗi ấy cũng bầm tim gan,
 Nhiều kẻ vị thăng quan tiền chức
 Mà nỡ tâm bán nước hại nòi
 Vị tiền cũng lại lăm người
 Cơ hồ khắp nước chim mồi chó săn
 Ai có chí cứu dân cứu nước
 Thị lũ này sửa trước chặng tha !

Hồi anh em chị em ta
 Hiến thân cho nước mới là quốc dân
 Pháp nó cày cỏ quân có súng
 Động tí chi giết sống người mình
 Thực thi khổ đở khổ xanh
 Trù bọn quan Pháp, toàn anh em nhà
 Sao không biết đảo qua đánh nó
 Nếu đồng tâm có khó chí đâu
 Người mình mình chớ hại nhau
 Xin quay ngọn súng trả đầu thằng Tây
 Nay mai sẽ có ngày khởi sự
 Các anh em xin chớ ngại ngần
 Dốc lòng vì nước vì dân
 Giúp ta ngoài sẽ có quân hùng cường
 Nay dân tộc da vàng hợp sức
 Đánh đuổi người áp bức bấy lâu
 Đồng tâm ta phải bão nhau
 Có ra sức mới ngóc đầu được lên
 Nay ! những kẻ có tiền có của
 Chớ của mình mình giữ khu khu
 Đem tiền giúp nước bảy giờ
 Có công là sẽ có lời lãi to
 Chẳng hơn cứ bo bo từng cuộn
 Rồi đến thành giấy lộn vứt đi
 Làm giàu cũng phải khéo suy
 Trước là vì nước sau là bản thân
 Nay cơ hội đã gần tới đó
 Quốc dân ta xin cố sức lên
 Nhất là nam nữ thanh niên
 Chớ quên cứu nước là thiên chức mình

Đứng say đắm hư vinh vật chất
 Sự vui chơi nên vứt hết đi
 Kia trông hai nước Diển-Phi
 Họ đã độc lập còn mình thì sao?
 Không lẽ chịu thuộc vào Pháp mãi
 Xiềng xích này ta phải phá ra
 Ta không cứu lấy nước nhà
 Khó mong cái sự người ta cứu mình
 Phải quyết chí hy sinh phấn đấu
 Vì tự do rời máu cũng dành
 Hãy vào « Phục Quốc Đồng Minh »
 Góp thêm sức mạnh làm thành việc to :
 Tranh độc lập, tự do cho nước
 Cho nước mình cũng được như ai
 Đứng trên thế giới vũ đài
 Từ đây cũng có mặt người Việt-Nam
 Bốn mươi năm đi làm việc nước
 Thân già này chưa được chuyện chi
 Tuổi nhiều nhưng sức chưa suy
 Thủ chung lòng những lo vì nước non
 Cũng chẳng tưởng đến con đến của
 Cũng không mong làm chúa làm vua
 Chỉ mưu đánh đuổi quân thù
 Đề gầy dựng lại cơ đồ nước ta
 Bởi vì thế, bỏ nhà sang Nhật
 Mấy mươi năm nếm mật nấm gai
 Đã hay thành sự tại trời
 Gắng công cũng phải tại người mới nên
 Vậy nay có lời khuyên thành thực
 Xin quốc dân hợp sức đồng lòng

Người xuất cửa, kẻ xuất công
 Người ngoài vận động, người trong thực hành
 Sẽ có kẻ giúp mình thêm nữa
 Việc phen này nếu sợ không xong
 Cốt sao ta phải hết lòng
 Thành công sẽ chỉ trong vòng năm nay.

TÁI SANH TRUYỆN

Nguyên tác bằng chữ Hán của
 Phan-Sào-Nam, Đông Tùng phỏng-dịch

Mấy hôm nay lao-xá Nghệ-an mất hẳn cái vẻ muôn thuở của bất kỳ nhà lao Đế-quốc nào. Những tên lính gác ngực ít sần sodie đến gần những tù nhân ốm yếu mà quất những ngọn roi da như mưa vào mặt, hay ban cho những trận đòn không lý do sau một trận thua bạc hay say rượu.

Mỗi khi khóa hay mở cửa ngực, chúng đều thận trọng lấy khăn lau bit mũi, bit miệng ; thái độ sợ-sệt khi cho tay vào ống khóa. Quản Giám-ngực, nhàn vật diễn hình nhất của thế-giới nhà lao với đôi mắt trắng dã, luôn luôn soi-bói vào khắp các xó xỉnh của nhà lao, cặp râu chòi xê mấp máy, cái bụng phệ và cái roi da không rời tay, mấy hôm nay cũng như e-dè với nhà lao, thế giới mà y đã tung hoành hàng mấy lâu nay.

Không khi nhà lao ngọt-ngạt khó thở. Từ nhàn, những người khinh thường cái chết, khinh thường nguy-hiểm, coi những trận đòn của văn-minh Pháp như những trò đùa, thế mà mấy hôm nay trong giờ phút này họ cũng lè sắc mặt lo âu. Thần chết như lảng vảng đâu đây và mùi tử khí bao trùm cả nhà lao. Những người ái quốc trong trường học đấu tranh của nhà tù cũng cảm thấy sợ cái chết vô nghĩa ấy : Bệnh dịch tả !... Nhà tù thiếu không khi, thiếu vệ-sinh ; tù nhàn ăn uống khô sở, tra tấn đã làm cho con ma bệnh càng dễ hoành hành và tù nhân càng thêm mau vào cõi chết. Cứ một vài giờ lại có một người chết, mấy ngày đầu còn có chiếu, nhưng sau con số chết ngày càng tăng thì người ta phải đào những huyệt lớn để chôn chung cùng một chỗ hàng bốn năm người. Công việc chôn cất cũng vô cùng cầu thả, chỉ là lấp láp qua loa cho xong chuyện.

oºº

Trời tối sầm xuống. Phòng tù chính-trị không một ánh đèn. Ngoài sân, tên lính gác đi lại lại dưới ánh sáng của bóng điện đục ngầu ; thỉnh thoảng y lại ho lên một vài tiếng cho đỡ sợ và dâng hăng hỏi vọng vào phòng :

— Thế nào chúng mày, có đứa nào chết không ? Khác hẳn thủ tục xông xáo kiềm soát thường lệ của nhà tù.

— Thưa ông mấy hôm nay không có ai việc gì cả !

Trong một góc phòng tối, bốn người trong tù đang thi thầm to nhỏ.

— Tôi cho rằng cơ hội này là độc nhất... Chỉ có thể thoát thân bằng cách ấy mà thôi, nhưng cũng hơi nguy hiểm, các đồng chí nghĩ sao ?

Một người tuổi ngoại 40 mươi, khoác chiếc áo tù đóng dấu P.D. (Prisonnier dangereux), thân hình xương xẩu làm tăng thêm cái vẻ bi-hùng-tráng của vàng trán cao, đôi mắt thông-minh đầy cương nghị, đang nói với ba người ngồi xung quanh.

— Bác phải nghĩ cho kỹ. Phải làm thế nào cho anh em ngoài biết mà đào lén mới kịp.

Một cụ già cũng chậm rãi tiếp lời :

— Đối với Cách-Mạng, một cán-bộ bị giam giữ nhất định là một tổn thất rồi, nhưng về phần chúng tôi thì chưa cần đến ; còn bác thì thế nào cũng phải tìm cách ra.

Giọng cụ lại trở nên cương quyết : — Mà phải ra cho bằng được, ra để gặp anh em và nhất là sang Tàu để gặp cụ Phan-Sào-Nam trong giai đoạn này.

— Thế bây giờ các bác có ý kiến gì để tiến hành công việc ?

— Tôi có ý kiến thế này : Sáng mai tôi

xin đi làm co-vé (corvées) để rồi hái lá Ba-đậu về. Ở nhà khi nào thằng Sâm gác thì bác xin nó mượn cái nồi nói là để sắc thuốc tả. Còn bác Hậu...

— Ủ thằng ấy trông cũng không đến nỗi, ông Hậu tiếp lời. Tôi xin nó nhờ thằng bé bán hàng gọi thằng Năm nhà tôi đang ở ngoài hàng vào dặn lại anh em một lần nữa.

Trời vừa hửng sáng. Tiếng kèn đánh thức của nhà tù vang dậy. Cửa ngực mở. Lão Giám ngục sau khi đứng xa nhìn vào trong ngực không có chuyện gì, lại đứng đinh đinh ra. Lão vươn vai khoái trá khi nghĩ đến bữa lòng lợn tiết canh và mấy đồng bạc trắng của mấy thàn quyến phạm-nhân sắp vào cái dạ-dày trống rỗng vì thức thâu đêm với các ả-dào và cái hầu bao đẹp đẽ chỉ có đóng mà không mở của lão.

— Chào ông ạ !

— Chú Sâm đấy à. Liệu đấy nhé ! Có thằng nào ngạc ngứ thì báo thầy Ký nhanh nhé. Tôi về đây, à mà canh bạc đêm qua có rền không ?

— Đêm qua cháu ở nhà vì thằng Cu nhà cháu nó sốt. Ông về ạ !

Sâm xì mỉa mai một tiếng rồi quay trở vào nhà lao.

BÚT CHIẾN ĐẤU

Không có việc gì xảy ra cả. Từ nhân đang sửa soạn đi làm cỏ-vé. Anh đi lại mở cửa phòng trọng tù :

— Các cụ có ai việc gì không ? Cũng nên cảm thận, bệnh này ghê gớm lắm đấy !

— Cảm ơn bác, anh em chúng tôi vẫn chưa có việc gì cả. Chỉ có ông Lộ (tên người trọng tù mang dấu P.D.) bị sốt, muốn nhăn tin mà chưa có ai để nhăn cả.

— Thế à, vậy thì trưa cháu về cháu nhăn cho nhé. Cụ Lộ thế nào ?

— Tôi thấy người nóng hầm hầm mà trong bụng thì rét và muối mửa. Không khéo...

Ông Lộ trả lời giọng run run :

— Giờ thi cháu mặc gác, trưa về qua cụ nhăn gi, cháu hỏi thăm có ai thi cháu nhăn cho nhé.

Ông Hậu nhanh nhẹn :

— Thế này, nhờ bác làm ơn nói với thằng bé bán bánh ngoài cổng lao, cho nó mấy xu và nhờ nó nhăn cháu Nam nhà tôi đến ngoài hàng rào sát bên cầu tiêu ấy. Nay bác cầm lấy đồng diêm thuốc gọi là...

— Cháu không lấy đâu. Cụ cứ dễ mà tiêu; giá cụ ở nhà thì cháu lĩnh ngay, còn ở đây xin giả lại cụ. Tôi quá ! nhất nhât tại tù...

— Không được, bác cứ cầm cho chúng tôi yên tâm. Có thể lần sau chúng tôi mới dám nhờ bác chứ.

Sâm nhăn răng cười khì và dơ tay nhận tiền rồi đi ra.

Mấy cái đầu dạn phong trần bạc trắng và hoa râm lại chụm lại với nhau : — Bây giờ thì như thế này: Chết nãa bác Hậu ra dǎn lại cháu Năm về nhắc lại với anh em cho kỹ. Nhớ mua thuốc hit è-tê (éther), chốc nãa bác Thục đi làm cỏ-vẽ thì thế nào cũng phải kiểm cho kỹ được lá Ba-đậu, vì đến trưa là tôi đã sặc uống. Tôi thì nhất định là lã hơi, chúng nó sợ tất phải cho chôn ngay. Còn việc hòm vỏ và chôn cất như thế nào thì chúng ta đã thảo luận kỹ rồi, các bác nhớ làm cho kịp thời là được !

Cả bốn cái đầu lại gật gù thông cảm và say sưa trong một niềm tin tưởng ở thành công mỹ mãn.

Chập tối hôm đó, trong lúc tù nhân đang im lặng trong bầu không khí hãi-hùng thè-thảm, nghỉ cái giấc ngủ ngắn ngủi để rồi ngày mai lại đem xác ra đọa đầy, thì hông có tiếng kêu :

— Các thầy linh ôi, ở đây có người sắp chết rồi!... Tiếng kêu vọng ra nghe thè thảm, như báo hiệu cuộc hành trình rùng rợn của Tử thần dịch tả trong đêm tối.

Nhà lao xòn xao, cai ngục, lính gác nhức nhác. Tên Giám-ngục quay cuồng rối rit.

— Đứa nào thế, chết chưa ?

— Thưa ông Lộ ạ! Ông ấy đi ngoài từ 3

giờ chiều đến giờ, thương thỗ hạ tả không sao cầm lại được.

— Lộ à, cho nó chết quách đi ; thằng giặc ấy nguy hiểm lắm ; chú Sám chạy mau di mời thầy Ký xuống xem sao.

Lát sau thầy Ký xuống, mũi bịt miệng bưng, tay bao găng, áo blouse trắng. Cả người thầy toát ra một mùi cồn thơm hắc. Thầy đứng ngoài xa nhìn người tù quấn quại trong những con mửa và đi tâ không dứt, mồ hôi ướt thảm, tiếng thở dài dứt quãng. Thầy nhíu mày rồi vừa đi vừa truyền lệnh một cách vô tư lự :

— Cho sẵn sàng đi, chôn cho thật nhanh...

Giám ngục đang suy nghĩ tần ngần. Ông Hậu đến bên van xin kẽ lẽ :

— Bầm quan, bác Lộ chết ; nghĩa tử là nghĩa tận, chúng tôi xin phép quan được đưa bác ấy ra nghĩa địa và mua cho bác ấy một cỗ ván... Gọi là chút lòng thành xin quan vui lòng nhận lời cho. Dứt lời ông Hậu dúi vào tay giám-ngục mấy đồng bạc trắng.

— Nè các anh là người có tuổi tôi mạn phép cho các anh mua cho anh ấy cỗ-ván. Tôi không lấy tiền đâu.

— Quan vui lòng nhận cho, chúng tôi cảm ơn quan lắm rồi !

Giám ngục cười gần vừa dúi vào hầu bao

mấy đồng bạc và truyền lệnh :

— Chủ Sâm đâu, dân mấy anh này ra phố
cho nó mua cỗ ván...

— Dạ !

Tối hôm ấy khoảng 10 giờ đêm, một
người lính gác ngục dẫn hai người tù gánh
một cái quan tài ra nghĩa địa theo sau ánh
sáng lập loè của một ngọn đuốc. Quan tài
bằng gỗ tạp có nhiều khe hở. Huyết đào rất
cạn và chỉ lấp đất qua loa... Rồi cũng trong
đêm ấy dưới ánh sao lờ mờ, trong cảnh âm
thầm vắng lặng của nghĩa địa, bốn người đang
hì hục đào một cái mộ. Sau khi quan tài được
cạy lên, cả bốn người cùng nở một lần đê
đón chào một cái thứ năm đường như héo
hắt vì quá mệt. Có tiếng hỏi thì thầm :

— Mệt lắm không anh ?... Anh Lộ !...

— Có...Mệt...lắm!..—Xác chết trả lời dứt
quảng.

Sau khi hỏi hả lấp đất lại như cũ, bốn
người dùi một, đoàn người lặng lẽ ra đi như
năm bóng ma trong đêm lạnh...

Hai tháng sau, trong hội-quán Việt-Nam
Quang-Phục Hội ở Đại lộ Võ-Xương (Quảng-
Đông) có hai người, một già, một trung tuân
dang ngồi đối âm. Câu chuyện ròn tan, người
già vỗ vai người ít tuổi ngồi trước mặt mình
nói với giọng đầm ấm thương yêu nhưng

không kém phần cương nghị :

— Con khá lăm, diệu kế này chỉ có người cách mạng, vì dân tộc và tổ quốc mới có thể thực hành được, mà cũng mới có cả gan làm được. Chính bác cũng chịu con.

Cụ Phan-Sào-Nam nhấp tiếp ngụm nước trà trong khi ông Bùi-Chinh-Lộ kẽ nốt đầu đuôi câu chuyện thoát thân của mình...

Rồi cũng từ đó Việt-Nam Quang-Phục-Hội được tăng cường thêm một chiến-sĩ. Ông Bùi-Chinh-Lộ lại bắt đầu tiếp tục hoạt động khi ở Tầu, khi ở Xiêm ; để rồi một buổi chiều thu năm 1914 lại có một người chiến-sĩ cách-mạng Việt-Nam cắn lưỡi tự-tử, ngay khi bị bắt ở bến tàu thủy Vọng-Các, để cuộc khởi nghĩa do Việt-Nam Quang-Phục-Hội tổ chức lợi dụng sự thất trận của Pháp thiêu người lãnh đạo, và cũng để cho ông già trán cao mắt sáng ở Quảng-Đông nhỏ lệ khi biết tin người đồng-chí ít tuổi hơn đã bỏ mình một cách vô cùng khảng khái mà viết ra thiên tiểu sử «TÁI SINH TRUYỀN» để tưởng niệm người đồng chí, người mòn sinh BÙI-CHÍNH-LỘ ở Huyện Nghi-lộc, tỉnh Nghệ-An.

MỤC - LỤC

Lời nói đầu

Phần thứ nhất

<i>Chương I.</i> — Những đạo sớ tấu, những bản diều trần của mấy nhà ái quốc chí sĩ thời thời	5
<i>Chương II.</i> — Chiếu Càn-Vương của vua Hàm- Nghi và Hịch Càn-Vương thảo tặc của Văn-Thân khởi nghĩa	11
<i>Chương III.</i> — Những áng văn Cách-mạng qua các phong trào Đông Du ở Nhật và Quang Phục ở Tàu.	18
<i>Chương IV.</i> — Báo chí : Bí mật, công-khai, quốc nội, hải ngoại của những đảng phái Cách-mạng : Tân-Việt Cách-mạng, Việt- Nam Quốc-Dân Đảng, Việt-Nam-Thanh Niên	31

Phần thứ Hai

Phụ lục nguyên văn các tác phẩm đã liệt kê ở
các chương trên.

Tập Sách BÚT CHIẾN - ĐÁU
của ĐÔNG-TÙNG, in tại nhà in
Kim-Ngọc, 1 đường Trần-văn-
Thạch Tân-định-Saigon. Ngoài
4.000 cuốn in trên giấy thường,
còn in thêm 30 cuốn trên giấy
blanc fin có chữ ký của tác-
— giả dè tặng (không bán). —

Từ nhà kho Quán Ven Đường

HỘI KHÔNG-HỌC VIỆT-NAM

ĐÁ XUẤT-BẢN :

TRÍCH DỊCH MINH-TÂM BẢO-GIÁM

Phiên âm, dịch nghĩa từng chữ. Giải nghĩa từng câu. Dịch thành văn vẫn từng bài.

BÚT CHIẾN ĐẤU

Lược sử đấu tranh giải phóng dân tộc Việt-Nam trong mặt trận văn nghệ, báo chí.

SẮP XUẤT - BẢN :

KHÔNG-TỬ VÀ KHÔNG-HỌC

TRUYỆN KÝ KHÔNG PHU TỬ (bằng tranh)

80 NĂM CÁCH MẠNG

DANH NHÂN CÁCH MẠNG VIỆT-NAM

KHÍ TIẾT NGƯỜI XƯA

CẨU HÒ QUỐC SỬ

KHÔNG-HỌC PHÒ THÔNG

LUẬN NGỮ DIỄN CA

NGƯỜI CON HIẾU VIỆT-NAM

NGƯỜI TIẾT PHỤ VIỆT-NAM

PHÒNG MỸ - THUẬT

TÔ ĐỒ THỜ

QUẢNG CÁO HỘI HỌA
KIẾN TRÚC TRANG HOÀNG

do một số Họa-sĩ Đại-học Mỹ-thuật
phụ trách

Giám đốc : Họa-sĩ MAI-LÂN



- ★ Một phòng tranh trưng bày thường xuyên các tác phẩm giá trị.
- ★ Một cơ quan cỗ động đặc lực cho các giới CÔNG, THƯƠNG, KỸ - NGHỆ - GIA.
- ★ Chuyên-trách các việc tổ-chức trang trí CHỢ PHIÊN, HỘI-CHỢ, DINH THỰ, XÍ-NGHIỆP.

400, PHAN - THANH - GIẢN - SAIGON